

Số: 05 /QĐ-TT

Võ Nhai, ngày 16 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Tịch thu tang vật vi phạm hành chính

HẠT TRƯỞNG HẠT KIỂM LÂM SỐ 15

Căn cứ Điều 26, khoản 4 Điều 126 Luật Xử lý vi phạm hành chính (sửa đổi, bổ sung năm 2025);

Căn cứ Quyết định số 02/QĐ/TG, ngày 27/6/2024 tạm giữ tang vật vi phạm hành chính;

Căn cứ kết quả thông báo lần thứ hai của Hạt Kiểm lâm huyện Võ Nhai trên Trung tâm Văn hóa, Thể thao - Truyền thông huyện Võ Nhai từ ngày 10/7/2024 đến ngày 15/7/2024 (nay là Hạt Kiểm lâm số 15);

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1.

1. Tịch thu tang vật vi phạm hành chính đã bị tạm giữ theo Quyết định số 02/QĐ/TG, ngày 27/6/2024 đối với <ông (bà)> có tên sau đây: (Không xác định được người vi phạm, chủ sở hữu, người quản lý hoặc sử dụng hợp pháp).

<Họ và tên>: Giới tính

Ngày, tháng, năm sinh: .../.../..... Quốc tịch:

Nghề nghiệp:

Nơi ở hiện tại:

Số căn cước công dân ngày cấp nơi cấp

2. Việc tịch thu tang vật vi phạm hành chính được lập thành biên bản kèm theo Quyết định này.

3. Lý do tịch thu: Không xác định được người vi phạm, chủ sở hữu, người quản lý hoặc người sử dụng hợp pháp.

4. Tài liệu kèm theo:

- Biên bản kiểm tra lâm sản ngày 27/6/2024;
- Bảng kê lâm sản kèm theo Biên bản kiểm tra ngày 27/6/2024.
- Biên bản tạm giữ ngày số 01/BB-TG, ngày 27/6/2024;
- QĐ tạm giữ số 02/QĐ-TG, ngày 27/6/2024;
- Thông báo lần 1 số 346/TB-HKL, ngày 10/7/2024;

Số: 05/BB-TT

BIÊN BẢN
Tịch thu tang vật vi phạm hành chính

Thi hành Quyết định số 05/QĐ-TT, ngày 16/07/2025 của Hạt trưởng Hạt Kiểm lâm số 15 tịch thu tang vật vi phạm hành chính.

Hôm nay, hồi 08 giờ 00 phút, ngày 16/07/2025, tại Hạt Kiểm lâm huyện số 15 có địa chỉ xã Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên.

Chúng tôi gồm:

1. Người có thẩm quyền lập biên bản:

Họ và tên: Nguyễn Đức Quế, Chức vụ: Hạt trưởng;

Cơ quan: Hạt Kiểm lâm số 15 - Chi cục Kiểm lâm tỉnh Thái Nguyên.

2. <Ông (bà)/Tổ chức> <là chủ sở hữu/người quản lý/người sử dụng hợp pháp> của <tang vật vi phạm hành chính>: Không xác định được người vi phạm, chủ sở hữu, người quản lý hoặc sử dụng hợp pháp.

Họ và tên>: Giới tính

Ngày, tháng, năm sinh: .../.../..... Quốc tịch:

Nghề nghiệp:

Nơi ở hiện tại:

Số căn cước công dân ngày cấp nơi cấp

Tiến hành lập biên bản tịch thu tang vật vi phạm hành chính theo Quyết định số 05/QĐ-TT,

1. Tang vật vi phạm hành chính bị tịch thu, gồm:

STT	Tên tang vật vi phạm hành chính	Đơn vị tính	Số lượng	Chủng loại	Số đăng ký	Tình trạng, đặc điểm	Ghi chú
1	Gỗ Nghiến dạng bìa bấp, hình thù phức tạp	kg	3000			bìa bấp, hình thù phức tạp, không đo kích thước được	

2. Ý kiến trình bày của <cá nhân/người đại diện của tổ chức> bị tịch thu <tang vật, phương tiện vi phạm hành chính>

.....

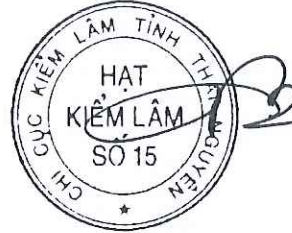
3. Ý kiến bổ sung khác (nếu có)

.....
.....
Ngoài những tang vật vi phạm hành chính nêu trên, chúng tôi không tịch thu thêm thứ gì khác.

Biên bản lập xong hồi 08 giờ 30 phút, ngày 16/07/2025, gồm 02 tờ, được lập thành 01 bản có nội dung và giá trị như nhau; đã đọc lại cho những người có tên nêu trên cùng nghe, công nhận là đúng và cùng ký tên dưới đây; giao cho ông (bà) là < cá nhân/người đại diện của tổ chức > bị tịch thu < tang vật/phương tiện vi phạm hành chính > 0 bản, 01 bản lưu hồ sơ.

**CÁ NHÂN/NGƯỜI ĐẠI DIỆN CỦA
TỔ CHỨC BỊ TỊCH THU**

*(Không xác định được người vi phạm,
chủ sở hữu, người quản lý hoặc người
sử dụng hợp pháp)*

NGƯỜI CHỨNG KIẾN**NGƯỜI LẬP BIÊN BẢN****HẠT TRƯỜNG
Nguyễn Đức Quế**

Biên bản đã giao trực tiếp cho cá nhân, người bị tịch thu tang vật vi phạm hành chính vào hồi giờ phút, ngày

NGƯỜI NHẬN BIÊN BẢN

(Ký, ghi rõ họ tên)

(Không xác định được người vi phạm, chủ sở hữu, người quản lý hoặc người sử dụng hợp pháp)

BẢNG KÊ LÂM SẢN

(Áp dụng đối với trường hợp lâm sản là tang vật vụ vi phạm)

(Kèm theo Biên bản kiểm tra lâm sản ngày 27/6/2024 của Hạt Kiểm lâm Võ Nhai)

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Người lập bảng kê lâm sản:

- Họ và tên: Cù Quốc Huy; Chức vụ: Tổ trưởng tổ KLCĐ&PCCCR
- Cơ quan: Hạt Kiểm lâm huyện Võ Nhai.
- Địa chỉ: Xóm Đồng Chấn, xã Lâu Thượng, huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên.

2. Cá nhân vi phạm:

- Tên cá nhân: Chưa xác định được chủ lâm sản.
- Số CCCD: Cấp ngày tháng năm
- Địa chỉ: xóm, xã, huyện, tỉnh

3. Người chứng kiến:

- Họ và tên: Ma Văn Sáng
- Số GCN/MSDN/GPTL/ĐKHĐ/CCCD/CMND/HC:
- Địa chỉ: xóm Tân Sơn, xã Cúc Đường, huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên.

TT	Số hiệu gỗ	Tên thông thường	Tên khoa học	Nhóm loài (thông thường; nguy cấp, quý, hiếm; PLI/II)	Số lượng (Thanh)	Kích thước			Trọng lượng (m ³)	Ghi chú
						Dài (m)	Rộng (m)	Chiều dày (m)		
1		Gỗ Nghiến nhóm IIa dạng bìa bấp cạnh ngọn hình thù phức tạp		IIA				3.000 Kg		
TỔNG CỘNG								3.000 Kg		

Tổng trọng lượng đối với từng loại lâm sản trong bảng kê: Gỗ Nghiến nhóm IIA dạng bìa, bấp, cạnh ngọn hình thù phức tạp có trọng lượng = 3.000 kg (Ba nghìn ki lô gam) /.

TỔ CHỨC, CÁ NHÂN LIÊN QUAN

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu đối với tổ chức)

Chưa xác định được

NGƯỜI CHỨNG KIẾN

(Ký, ghi rõ họ tên)

Ma Văn Sáng

Sáng Mộc, ngày 27 tháng 6 năm 2024

NGƯỜI LẬP BẢNG KÊ

(Ký, ghi rõ họ tên)

Cù Quốc Huy

Số: 06 /QĐ-TT

Võ Nhai, ngày 16 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Tịch thu tang vật vi phạm hành chính

HẠT TRƯỞNG HẠT KIỂM LÂM SỐ 15

Căn cứ Điều 26, khoản 4 Điều 126 Luật Xử lý vi phạm hành chính (sửa đổi, bổ sung năm 2025);

Căn cứ Quyết định số 02/QĐ/TG, ngày 28/6/2024 tạm giữ tang vật vi phạm hành chính;

Căn cứ kết quả thông báo lần thứ hai của Hạt Kiểm lâm huyện Võ Nhai trên Trung tâm Văn hóa, Thể thao - Truyền thông huyện Võ Nhai từ ngày 10/7/2024 đến ngày 15/7/2024 (nay là Hạt Kiểm lâm số 15);

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1.

1. Tịch thu tang vật vi phạm hành chính đã bị tạm giữ theo Quyết định số 02/QĐ/TG, ngày 28/6/2024 đối với <ông (bà)> có tên sau đây: (Không xác định được người vi phạm, chủ sở hữu, người quản lý hoặc sử dụng hợp pháp).

<Họ và tên>: Giới tính

Ngày, tháng, năm sinh: .../.../..... Quốc tịch:

Nghề nghiệp:

Nơi ở hiện tại:

Số căn cước công dân ngày cấp nơi cấp

2. Việc tịch thu tang vật vi phạm hành chính được lập thành biên bản kèm theo Quyết định này.

3. Lý do tịch thu: Không xác định được người vi phạm, chủ sở hữu, người quản lý hoặc người sử dụng hợp pháp.

4. Tài liệu kèm theo:

- Biên bản kiểm tra lâm sản ngày 28/6/2024;
- Bảng kê lâm sản số 01 kèm theo Biên bản kiểm tra ngày 28/6/2024.
- Biên bản tạm giữ ngày số 01/BB-TG, ngày 28/6/2024;
- QĐ tạm giữ số 02/QĐ-TG, ngày 28/6/2024;
- Thông báo lần 1 số 347/TB-HKL, ngày 10/7/2024;

- Thông báo lần 2, số 361/TB-HKL, ngày 15/7/2024

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Quyết định này được gửi cho Thủ kho, Pháp chế, Kế toán để tổ chức thực hiện ./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lưu: Hồ sơ

HAT TRƯỞNG



Nguyễn Đức Quế

Quyết định đã giao trực tiếp cho cá nhân, người vi phạm vào hồi giờ....
phút, ngày

NGƯỜI NHẬN QUYẾT ĐỊNH

(Ký, ghi rõ họ tên)

*(không xác định được người vi phạm,
chủ sở hữu, chủ quản lý hoặc người sử
dụng hợp pháp)*

CHI CỤC KIỂM LÂM THÁI NGUYÊN
HẠT KIỂM LÂM HUYỆN VÕ NHAICỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 01/2024/BKLS

Tờ số: 01/Tổng số tờ: 01

BẢNG KÊ LÂM SẢN

(Áp dụng đối với trường hợp lâm sản là tang vật vụ vi phạm)

(Kèm theo Biên bản kiểm tra lâm sản ngày 28/6/2024 của Hạt Kiểm lâm Võ Nhai)

I. THÔNG TIN CHUNG**1. Người lập bảng kê lâm sản:**

- Họ và tên: Cù Quốc Huy; Chức vụ: Tổ trưởng tổ KLCĐ&PCCCR
- Cơ quan: Hạt Kiểm lâm huyện Võ Nhai.
- Địa chỉ: Xóm Đồng Chăn, xã Lâu Thượng, huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên.

2. Cá nhân vi phạm:

- Tên cá nhân: Chưa xác định được chủ lâm sản.
- Số CCCD: Cấp ngày tháng năm
- Địa chỉ: xóm, xã, huyện, tỉnh

3. Người chứng kiến:

- Họ và tên: Ma Văn Sáng
- Số GCN/MSDN/GPTL/ĐKHĐ/CCCD/CMND/HC:
- Địa chỉ: xóm Tân Sơn, xã Cúc Đường, huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên.

TT	Số hiệu gỗ	Tên thông thường	Tên khoa học	Nhóm loài (thông thường; nguy cấp, quý, hiếm; PLI/II)	Số lượng (Thanh)	Kích thước			Trọng lượng (m ³)	Ghi chú
						Dài (m)	Rộng (m)	Chiều dày (m)		
1		Gỗ Nghiến nhóm IIa dạng bìa bấp cạnh ngọn hình thù phức tạp		IIA					2.500 Kg	
TỔNG CỘNG									2.500 Kg	

Tổng trọng lượng đối với từng loại lâm sản trong bảng kê: Gỗ Nghiến nhóm IIA dạng bìa, bấp, cạnh ngọn hình thù phức tạp có trọng lượng khoảng 2.500 kg (Hai nghìn năm trăm ki lô gam) ./.

Sông Mộc, ngày 28 tháng 6 năm 2024

TỔ CHỨC, CÁ NHÂN LIÊN QUAN(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu
đối với tổ chức)

Chưa xác định được

NGƯỜI CHỨNG KIẾN

(Ký, ghi rõ họ tên)

Ma Văn Sáng

Ma Văn Sáng

NGƯỜI LẬP BẢNG KÊ

(Ký, ghi rõ họ tên)

Cù Quốc Huy

Cù Quốc Huy

Số: 02 /QĐ-TT

Võ Nhai, ngày 05 tháng 01 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH
Tịch thu tang vật vi phạm hành chính

HẠT TRƯỞNG HẠT KIỂM LÂM SỐ 15

Căn cứ Điều 26, khoản 4 Điều 126 Luật Xử lý vi phạm hành chính (sửa đổi, bổ sung năm 2025);

Căn cứ Quyết định số 03/QĐ/TG, ngày 18/12/2024 tạm giữ tang vật vi phạm hành chính;

Căn cứ kết quả thông báo lần thứ hai của Hạt Kiểm lâm huyện Võ Nhai trên Trung tâm Văn hóa, Thể thao - Truyền thông huyện Võ Nhai ngày 03/01/2025 (nay là Hạt Kiểm lâm số 15).

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1.

1. Tịch thu tang vật vi phạm hành chính đã bị tạm giữ theo Quyết định số 03/QĐ/TG, ngày 18/12/2024 đối với <ông (bà)> có tên sau đây: (Không xác định được người vi phạm, chủ sở hữu, người quản lý hoặc sử dụng hợp pháp).

<Họ và tên>: Giới tính

Ngày, tháng, năm sinh: .../.../..... Quốc tịch:

Nghề nghiệp:

Nơi ở hiện tại:

Số căn cước công dân ngày cấp nơi cấp

2. Việc tịch thu tang vật vi phạm hành chính được lập thành biên bản kèm theo Quyết định này.

3. Lý do tịch thu: Không xác định được người vi phạm, chủ sở hữu, người quản lý hoặc người sử dụng hợp pháp.

4. Tài liệu kèm theo:

- Biên bản kiểm tra lâm sản ngày 18/12/2024;
- Bảng kê lâm sản số 03 kèm theo Biên bản kiểm tra ngày 18/12/2024.
- Biên bản tạm giữ ngày số 02/BB-TG, ngày 18/12/2024;
- QĐ tạm giữ số 03/QĐ-TG, ngày 18/12/2024;

- Thông báo lần 1 số 706/TB-HKL, ngày 28/12/2024;
- Thông báo lần 2, số 06/TB-HKL, ngày 03/01/2025

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Quyết định này được gửi cho Thủ kho, Pháp chế, Kế toán để tổ chức thực hiện ./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lưu: Hồ sơ

HẠT TRƯỜNG



Nguyễn Đức Quế

Số: 03/2024/BKLS

Tờ số: 02/Tổng số tờ: 02

BẢNG KÊ LÂM SẢN

(Áp dụng đối với trường hợp lâm sản là tang vật vụ vi phạm)

(Kèm theo Biên bản kiểm tra lâm sản ngày 18/12/2024 của Hạt Kiểm lâm Võ Nhai)

I. THÔNG TIN CHUNG**1. Người lập bảng kê lâm sản:**

- Họ và tên: Phạm Ngọc Long; Chức vụ: Kiểm lâm viên. Trạm trưởng Cúc Đường
- Cơ quan: Hạt Kiểm lâm huyện Võ Nhai.
- Địa chỉ: Xóm Tân Sơn, xã Cúc Đường, huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên.

2. Cá nhân vi phạm:

- Tên cá nhân: Chưa xác định được chủ lâm sản.
- Số CCCD: Cấp ngày tháng năm
- Địa chỉ: xóm, xã, huyện, tỉnh

3. Người chứng kiến:

- Họ và tên: Hà Xuân Diệu:
- Số GCN/MSDN/GPTL/ĐKHHĐ/CCCD/CMND/HC:
- Địa chỉ: Phó chỉ huy quân sự xã Nghinh Tường.

TT	Số hiệu gỗ	Tên thông thường	Tên khoa học	Nhóm loài (thông thường; nguy cấp, quý, hiếm; PLI/II CITES)	Số lượng (Thanh)	Kích thước			Khối lượng (m ³)	Ghi chú
						Dài (m)	Rộng (m)	Chiều dày (m)		
1		Gỗ Ôi rừng xẻ		V	2	2.00	0.25	0.09	0.090	
TỔNG CỘNG									0.090	

Tổng trọng lượng đối với từng loại lâm sản trong bảng kê: Hai thanh gỗ tạp xẻ thông thường bằng không phải không chín mét khối./.

TỔ CHỨC, CÁ NHÂN LIÊN QUAN

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Lê Xuân Diệu

Hà Xuân Diệu

NGƯỜI CHỨNG KIẾN

(Ký, ghi rõ họ tên)

Hà Xuân Diệu

Hà Xuân Diệu

Nghinh Tường, ngày 18 tháng 12 năm 2024

NGƯỜI LẬP BẢNG KÊ

(Ký, ghi rõ họ tên)

Phạm Ngọc Long

Phạm Ngọc Long

Số: 01 /QĐ-TT

Võ Nhai, ngày 05 tháng 01 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Tịch thu tang vật vi phạm hành chính

HẠT TRƯỞNG HẠT KIỂM LÂM SỐ 15

Căn cứ Điều 26, khoản 4 Điều 126 Luật Xử lý vi phạm hành chính (sửa đổi, bổ sung năm 2025);

Căn cứ Quyết định số 03/QĐ/TG, ngày 18/12/2024 tạm giữ tang vật vi phạm hành chính;

Căn cứ kết quả thông báo lần thứ hai của Hạt Kiểm lâm huyện Võ Nhai trên Trung tâm Văn hóa, Thể thao - Truyền thông huyện Võ Nhai ngày 03/01/2025 (nay là Hạt Kiểm lâm số 15).

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1.

1. Tịch thu tang vật vi phạm hành chính đã bị tạm giữ theo Quyết định số 03/QĐ/TG, ngày 18/12/2024 đối với <ông (bà)> có tên sau đây: (Không xác định được người vi phạm, chủ sở hữu, người quản lý hoặc sử dụng hợp pháp).

<Họ và tên>: Giới tính

Ngày, tháng, năm sinh: .../.../..... Quốc tịch:

Nghề nghiệp:

Nơi ở hiện tại:

Số căn cước công dân ngày cấp nơi cấp

2. Việc tịch thu tang vật vi phạm hành chính được lập thành biên bản kèm theo Quyết định này.

3. Lý do tịch thu: Không xác định được người vi phạm, chủ sở hữu, người quản lý hoặc người sử dụng hợp pháp.

4. Tài liệu kèm theo:

- Biên bản kiểm tra lâm sản ngày 18/12/2024;
- Bảng kê lâm sản số 03 kèm theo Biên bản kiểm tra ngày 18/12/2024.
- Biên bản tạm giữ ngày số 02/BB-TG, ngày 18/12/2024;
- QĐ tạm giữ số 03/QĐ-TG, ngày 18/12/2024;

- Thông báo lần 1 số 707/TB-HKL, ngày 28/12/2024;
- Thông báo lần 2, số 05/TB-HKL, ngày 03/01/2025

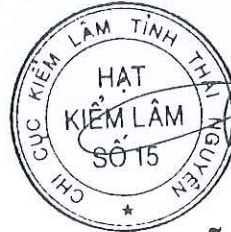
Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Quyết định này được gửi cho Thủ kho, Pháp chế, Kế toán để tổ chức thực hiện ./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lưu: Hồ sơ

HẠT TRƯỜNG



Nguyễn Đức Quế

CỤC KIỂM LÂM THÁI NGUYÊN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
HẠT KIỂM LÂM HUYỆN VÕ NHAI Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 03/2024/BKLS

Tờ số: 02/Tổng số tờ: 02

BẢNG KÊ LÂM SẢN

(Áp dụng đối với trường hợp lâm sản là tang vật vụ vi phạm)

(Kèm theo Biên bản kiểm tra lâm sản ngày 18/12/2024 của Hạt Kiểm lâm Võ Nhai)

I. THÔNG TIN CHUNG**1. Người lập bảng kê lâm sản:**

- Họ và tên: Phạm Ngọc Long; Chức vụ: Kiểm lâm viên. Trạm trưởng Cúc Đường
- Cơ quan: Hạt Kiểm lâm huyện Võ Nhai.
- Địa chỉ: Xóm Tân Sơn, xã Cúc Đường, huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên.

2. Cá nhân vi phạm:

- Tên cá nhân: Chưa xác định được chủ lâm sản.
- Số CCCD: Cấp ngày thángnăm
- Địa chỉ: xóm, xã, huyện, tỉnh ..

3. Người chứng kiến:

- Họ và tên: Hà Xuân Diệu;
- Số GCN/MSDN/GPTL/ĐKHHĐ/CCCD/CMND/HC:
- Địa chỉ: Phó chỉ huy quân sự xã Nghinh Tường.

TT	Số hiệu gỗ	Tên thông thường	Tên khoa học	Nhóm loài (thông thường; nguy cấp, quý, hiếm; PLI/PI CITES)	Số lượng (Thanh)	Kích thước			Khối lượng (m ³)	Ghi chú
						Dài (m)	Rộng (m)	Chiều dày (m)		
1		Gỗ Ôi rừng xẻ		V	2	2.00	0.25	0.09	0.090	
TỔNG CỘNG									0.090	

Tổng trọng lượng đối với từng loại lâm sản trong bảng kê: Hai thanh gỗ tạp xẻ thông thường bằng không phải không chín mét khối./.

Nghinh Tường, ngày 18 tháng 12 năm 2024

NGƯỜI LẬP BẢNG KÊ

(Ký, ghi rõ họ tên)

TỔ CHỨC, CÁ NHÂN LIÊN QUAN

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Chức vụ: Trưởng trạm kiểm lâm
tập và lâm sản.

NGƯỜI CHỨNG KIẾN

(Ký, ghi rõ họ tên)

Hà Xuân Diệu

Hà Xuân Diệu

Phạm Ngọc Long

Số: 03 /QĐ-TT

Võ Nhai, ngày 15 tháng 02 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Tịch thu tang vật vi phạm hành chính

HẠT TRƯỞNG HẠT KIỂM LÂM SỐ 15

Căn cứ Điều 26, khoản 4 Điều 126 Luật Xử lý vi phạm hành chính (sửa đổi, bổ sung năm 2025);

Căn cứ Quyết định số 02/QĐ/TG, ngày 16/01/2025 tạm giữ tang vật vi phạm hành chính;

Căn cứ kết quả thông báo lần thứ hai của Hạt Kiểm lâm huyện Võ Nhai trên Trung tâm Văn hóa, Thể thao - Truyền thông huyện Võ Nhai ngày 14/02/2025 (nay là Hạt Kiểm lâm số 15).

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1.

1. Tịch thu tang vật vi phạm hành chính đã bị tạm giữ theo Quyết định số 02/QĐ/TG, ngày 16/01/2025 đối với <ông (bà)> có tên sau đây: (Không xác định được người vi phạm, chủ sở hữu, người quản lý hoặc sử dụng hợp pháp).

<Họ và tên>: Giới tính

Ngày, tháng, năm sinh: .../.../..... Quốc tịch:

Nghề nghiệp:

Nơi ở hiện tại:

Số căn cước công dân ngày cấp nơi cấp

2. Việc tịch thu tang vật vi phạm hành chính được lập thành biên bản kèm theo Quyết định này.

3. Lý do tịch thu: Không xác định được người vi phạm, chủ sở hữu, người quản lý hoặc người sử dụng hợp pháp.

4. Tài liệu kèm theo:

- Biên bản kiểm tra lâm sản ngày 16/01/2025;
- Bảng kê lâm sản số 01 kèm theo Biên bản kiểm tra ngày 16/01/2025.
- Biên bản tạm giữ ngày số 01/BB-TG, ngày 16/01/2025;
- QĐ tạm giữ số 02/QĐ-TG, ngày 16/01/2025;

- QĐ ủy quyền xác minh tình tiết của vụ việc VPHC số 03/QĐ-UQ ngày 17/1/2025.

- Biên bản xác minh tình tiết của vụ việc VPHC số 04/BB-XM ngày 20/01/2025.

- Biên bản ghi lời khai ngày 23/01/2025

- Thông báo lần 1 số 48/TB-HKL, ngày 06/02/2025;

- Thông báo lần 2, số 67/TB-HKL, ngày 14/02/2025

- Công văn số 86/CV-HKL ngày 26/2/2025

- Biên bản xác minh tình tiết vụ vi phạm hành chính số 07/BB-XM ngày 25/6/2025

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Quyết định này được gửi cho Thủ kho, Pháp chế, Kế toán để tổ chức thực hiện ./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;

- Lưu: Hồ sơ

HẠT TRƯỞNG



Nguyễn Đức Quế

Số: 01/2025/BKLS

Tờ số: /Tổng số tờ:

BẢNG KÊ LÂM SẢN

(Áp dụng đối với trường hợp lâm sản là tang vật vụ vi phạm)

(Kèm theo Biên bản kiểm tra lâm sản lập ngày 16/01/2025 tại Hạt Kiểm lâm Võ Nhai)

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Người lập Bảng kê lâm sản:

Họ và tên: Cù Quốc Huy; Chức vụ: Tổ trưởng

Cơ quan, đơn vị công tác: Hạt Kiểm lâm Võ Nhai - Chi cục Kiểm lâm Thái Nguyên

Địa chỉ: Xóm Đồng Chấn, xã Lâu Thượng, huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên.

2. Tổ chức/cá nhân có liên quan:

Tên tổ chức, cá nhân: Ma Văn Công

Số Căn cước công dân số: 0190900009057 ; ngày cấp: 17/8/2021 ; nơi cấp: Cục Cảnh sát QLHC về TTXH

Địa chỉ: xóm Na Cà, xã Vũ Chấn, huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên

3. Người chứng kiến:

Địa chỉ:

II. THÔNG TIN CHI TIẾT

TT	Số hiệu gỗ	Tên thông thường	Tên khoa học	Nhóm loài (thông thường; nguy cấp, quý, hiếm; PLI/II CITES)	Số lượng (bao)	Kích thước			Khối lượng (m3)	Ghi chú
						Dài (m)	Rộng (cm)	Đường kính/ chiều dày (cm)		
1		Gáo		VII	10	3,00	20	4	0.240	
2		Gáo		VII	70	2,40	20	3	1.050	
3		Gáo		VII	10	2,20	21	4	0.192	
4		Gáo		VII	20	2,40	21	3	0.314	
Tổng					110				1.796	

Tổng số lượng, khối lượng đối với từng loại lâm sản có trong bảng kê: Một trăm mười thanh tấm bằng một phảy bảy chín sáu mét khối

CÁ NHÂN LIÊN QUAN

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu đối với tổ chức)

CÔNG
Ma Văn Công

NGƯỜI CHỨNG KIẾN

(Ký, ghi rõ họ tên)

ev
Hạt Kiểm lâm Võ Nhai

Võ Nhai, ngày 26 tháng 01 năm 2025

NGƯỜI LẬP BẢNG KÊ

(Ký, ghi rõ họ tên)

ev
Cù Quốc Huy

Số: 04 /QĐ-TT

Võ Nhai, ngày 13 tháng 4 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Tịch thu tang vật vi phạm hành chính

HẠT TRƯỞNG HẠT KIỂM LÂM SỐ 15

Căn cứ Điều 26, khoản 4 Điều 126 Luật Xử lý vi phạm hành chính (sửa đổi, bổ sung năm 2025);

Căn cứ Quyết định số 02/QĐ/TG, ngày 08/02/2025 tạm giữ tang vật vi phạm hành chính;

Căn cứ kết quả thông báo lần thứ hai của Hạt Kiểm lâm huyện Võ Nhai trên Trung tâm Văn hóa, Thể thao - Truyền thông huyện Võ Nhai ngày 10/04/2025 (nay là Hạt Kiểm lâm số 15).

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1.

1. Tịch thu tang vật vi phạm hành chính đã bị tạm giữ theo Quyết định số 02/QĐ/TG, ngày 16/01/2025 đối với <ông (bà)> có tên sau đây: (Không xác định được người vi phạm, chủ sở hữu, người quản lý hoặc sử dụng hợp pháp).

<Họ và tên>: Giới tính

Ngày, tháng, năm sinh:/...../..... Quốc tịch:

Nghề nghiệp:

Nơi ở hiện tại:

Số căn cước công dân ngày cấp nơi cấp

2. Việc tịch thu tang vật vi phạm hành chính được lập thành biên bản kèm theo Quyết định này.

3. Lý do tịch thu: Không xác định được người vi phạm, chủ sở hữu, người quản lý hoặc người sử dụng hợp pháp.

4. Tài liệu kèm theo:

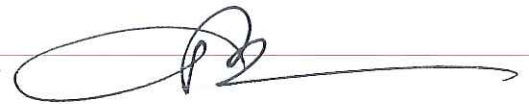
- Biên bản kiểm tra lâm sản ngày 08/02/2025;
- Bảng kê lâm sản số 01 kèm theo Biên bản kiểm tra ngày 08/02/2025.
- Biên bản tạm giữ ngày số 01/BB-TG, ngày 08/02/2025;
- QĐ tạm giữ số 02/QĐ-TG, ngày 08/02/2025;

- QĐ kéo dài thời hạn tạm giữ tang vật VPHC ngày 09/2/2025.
 - QĐ ủy quyền xác minh tình tiết của vụ việc VPHC số 03/QĐ-UQ ngày 17/1/2025.
 - Biên bản làm việc ngày 25/02/2025.
 - Thông báo lần 1 số 137/TB-HKL, ngày 08/04/2025;
 - Thông báo lần 2, số 143/TB-HKL, ngày 10/04/2025
- Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.
- Điều 3.** Quyết định này được gửi cho Thủ kho, Pháp chế, Kế toán để tổ chức thực hiện ./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lưu: Hồ sơ

HẠT TRƯỜNG



Nguyễn Đức Quế

Số: 01/2025/BKLS

BẢNG KÊ LÂM SẢN

(Áp dụng đối với gỗ tròn, gỗ xẻ, cây thân gỗ)

(Kèm theo Biên bản kiểm tra lâm sản tại xóm Tân Lập, xã Sảng Mộc, huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên, ngày 08/02/2025)

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Thông tin chủ lâm sản:

- Tên chủ lâm sản: Chưa xác định được chủ lâm sản
- Số CCCD/CMND.....
- Địa chỉ: xóm Tân Lập, xã Sảng Mộc, huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên
- Số điện thoại, Địa chỉ Email.....

2. Thông tin tổ chức, cá nhân mua/nhận chuyển giao quyền sở hữu:

- Tên tổ chức, cá nhân:.....
- Địa chỉ: xóm..... xã huyện..... tỉnh.....
- Số điện thoại, Địa chỉ Email.....

3. Thông tin vận chuyển: Xe..... BKS.....

- Thời gian vận chuyển..... ngày; từ ngày..... tháng..... năm..... đến ngày tháng..... năm.....
- Vận chuyển từ đến.....

4. Thông tin về nguồn gốc:.....

TT	Số hiệu gỗ	Tên thông thường	Tên khoa học	Số (thanh, hộp)	Kích thước			Khối lượng gỗ xẻ (m ³)	Ghi chú
					Dài (m)	Rộng (cm)	Đường kính, chiều dày (cm)		
1		Kháo		1	3.30	0.20	0.07	0.046	V1
2		Kháo		1	3.68	0.16	0.08	0.047	
3		Kháo		1	3.70	0.16	0.08	0.047	
4		Kháo		1	3.65	0.18	0.08	0.053	
5		Kháo		1	3.77	0.17	0.08	0.051	
6		Kháo		1	3.58	0.16	0.08	0.046	
7		Kháo		1	3.67	0.17	0.08	0.050	
8		Kháo		1	5.57	0.18	0.09	0.090	
9		Kháo		1	5.64	0.16	0.10	0.090	

10	Kháo		1	5.62	0.18	0.10	0.101	
11	Kháo		1	7.08	0.16	0.09	0.102	
12	Kháo		1	7.15	0.15	0.09	0.097	
13	Kháo		1	7.20	0.15	0.10	0.108	
14	Kháo		1	4.70	0.16	0.10	0.075	
15	Kháo		1	5.60	0.16	0.10	0.090	
16	Kháo		1	7.20	0.17	0.10	0.122	
17	Đái		1	7.15	0.17	0.09	0.109	
18	Đái		1	3.70	0.17	0.08	0.050	
19	Đái		1	4.65	0.18	0.09	0.075	
20	Đái		1	4.65	0.17	0.10	0.079	
21	Đái		1	4.65	0.18	0.10	0.084	
22	Đái		1	6.95	0.18	0.09	0.113	
23	Đái		1	4.73	0.20	0.10	0.095	
24	Đái		1	7.18	0.17	0.09	0.110	
25	Đái		1	4.70	0.18	0.09	0.076	
26	Đái		1	4.70	0.18	0.10	0.085	
27	Đái		1	3.40	0.18	0.11	0.067	
28	Đái		1	2.73	0.17	0.11	0.051	
29	Đái		1	2.58	0.16	0.11	0.045	
30	Đái		1	3.40	0.17	0.11	0.064	
31	Mận rừng		1	2.86	0.15	0.11	0.047	v)
32	Mận rừng		1	2.75	0.14	0.11	0.042	
33	Mận rừng		1	2.78	0.16	0.11	0.049	
34	Mận rừng		1	2.73	0.15	0.11	0.045	
35	Mận rừng		1	4.45	0.16	0.10	0.071	
36	Mận rừng		1	2.76	0.16	0.12	0.053	
37	Mận rừng		1	2.75	0.16	0.10	0.044	
38	Mận rừng		1	2.70	0.16	0.12	0.052	
39	Mận rừng		1	2.82	0.15	0.12	0.051	
40	Mận rừng		1	2.80	0.16	0.11	0.049	
41	Mận rừng		1	2.80	0.17	0.11	0.052	
42	Mận rừng		1	2.76	0.15	0.11	0.046	
43	Mận rừng		1	2.75	0.17	0.11	0.051	
44	Mận rừng		1	2.80	0.16	0.12	0.054	
45	Mận rừng		1	2.80	0.17	0.11	0.052	
46	Chò rừng		1	2.88	0.16	0.11	0.051	
47	Chò rừng		1	2.70	0.16	0.12	0.052	
48	Chò rừng		1	2.75	0.17	0.12	0.056	

49	Chò rừng		1	2.85	0.14	0.11	0.044	Y
50	Chò rừng		1	2.72	0.15	0.11	0.045	
51	Chò rừng		1	2.77	0.15	0.11	0.046	
52	Chò rừng		1	2.78	0.15	0.11	0.046	
53	Chò rừng		1	2.76	0.15	0.09	0.037	
54	Chò rừng		1	2.78	0.15	0.12	0.050	
55	Chò rừng		1	2.76	0.15	0.11	0.046	
56	Chò rừng		1	2.86	0.16	0.12	0.055	
57	Chò rừng		1	2.75	0.16	0.11	0.048	
58	Nhãn rừng		1	2.78	0.16	0.11	0.049	
59	Nhãn rừng		1	2.54	0.16	0.09	0.037	
60	Nhãn rừng		1	2.39	0.22	0.10	0.053	
61	Nhãn rừng		1	2.45	0.25	0.10	0.061	
62	Nhãn rừng		1	2.44	0.20	0.10	0.049	
63	Nhãn rừng		1	2.40	0.24	0.10	0.058	Y
64	Nhãn rừng		1	2.45	0.26	0.10	0.064	
65	Nhãn rừng		1	2.76	0.16	0.10	0.044	
66	Kháo		1	2.42	0.25	0.10	0.061	
67	Kháo		1	2.45	0.27	0.11	0.073	VI
68	Kháo		1	2.45	0.22	0.10	0.054	
69	Kháo		1	2.45	0.25	0.07	0.043	
70	Kháo		1	2.45	0.22	0.11	0.059	
71	Kháo		1	2.45	0.26	0.12	0.076	
72	Kháo		1	2.45	0.22	0.10	0.054	
73	Kháo		1	2.60	0.16	0.10	0.042	
74	Kháo		1	1.50	0.30	0.06	0.027	
75	Kháo		1	2.36	0.22	0.11	0.057	
76	Kháo		1	2.44	0.25	0.12	0.073	
77	Mận rừng		1	2.55	0.16	0.11	0.045	
78	Mận rừng		1	2.44	0.24	0.10	0.059	Y
79	Mận rừng		1	2.40	0.17	0.09	0.037	
80	Mận rừng		1	2.75	0.29	0.10	0.080	
81	Mận rừng		1	2.75	0.29	0.10	0.080	
82	Mận rừng		1	2.75	0.29	0.10	0.080	
83	Mận rừng		1	1.50	0.30	0.15	0.068	
84	Mận rừng		1	1.50	0.30	0.15	0.068	
85	Mận rừng		1	1.57	0.31	0.18	0.088	
86	Mận rừng		1	1.50	0.30	0.16	0.072	
87	Nhãn rừng		1	2.44	0.24	0.12	0.070	

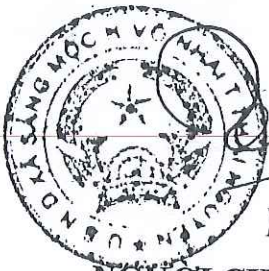
88	Nhãn rừng		1	2.60	0.16	0.10	0.042
89	Nhãn rừng		1	2.47	0.24	0.11	0.065
90	Nhãn rừng		1	2.47	0.24	0.12	0.071
91	Nhãn rừng		1	2.40	0.26	0.12	0.075
92	Nhãn rừng		1	2.47	0.23	0.11	0.062
Tổng số khối lượng			92				5.744

Tổng số lượng, khối lượng gỗ xẻ: 92 (chín hai) thanh, hộp bằng 5,744 (năm phẩy bảy bốn bốn) mét khối.

ĐẠI DIỆN UBND XÃ SÁNG MỘC

ĐẠI DIỆN XÓM TÂN LẬP

NGƯỜI LẬP BẢNG KÊ



[Signature]
**KT. CHỦ TỊCH
 PHÓ CHỦ TỊCH
 Nguyễn Văn Ánh**

[Signature]

Triệu Xuân Hùng

[Signature]

Nguyễn Văn Thái

NGƯỜI CHỨNG KIẾN

ĐẠI DIỆN CÔNG AN XÃ TRẠM BẢO VỆ RỪNG SỐ 1

[Signature]

Triệu Xuân Hòa

[Signature]

Nguyễn Thế Hùng

[Signature]

Hoàng Minh Giang

[Signature]
 "Hàng Minh Hiệp"

Số: 07/QĐ-XPHC

Võ Nhai, ngày 08 tháng 04 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Xử phạt vi phạm hành chính

HẠT TRƯỞNG HẠT KIỂM LÂM HUYỆN VÕ NHAİ

Căn cứ Điều 57, Điều 68, Điều 70, Điều 78, Điều 85 Luật Xử lý vi phạm hành chính (sửa đổi, bổ sung năm 2020);

Căn cứ Nghị định 35/2019/NĐ-CP, ngày 25/4/2019 của Chính phủ Quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực Lâm nghiệp; Nghị định 07/2022/NĐ-CP, ngày 10/01/2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực lâm nghiệp; bảo vệ và kiểm dịch thực vật; thú y; chăn nuôi;

Căn cứ Biên bản vi phạm hành chính số 09/BB-VPHC, lập ngày 01/4/2025 về lĩnh vực Lâm nghiệp;

Căn cứ Biên bản xác minh tình tiết vi phạm hành chính số 07/BB-XM lập ngày 26/3/2025 và 08BB-XM lập ngày 28/03/2025;

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1.

1. Xử phạt vi phạm hành chính đối với < ông (bà)/tổ chức > có tên sau đây:

Họ và tên: Đinh Thị Thái. Giới tính: Nữ

Ngày, tháng, năm sinh: 05/05/1979. Quốc tịch: Việt Nam.

Nghề nghiệp: Lao động tự do

Nơi ở hiện tại: Xóm Xuân Hòa, xã La Hiên, Võ Nhai, Thái Nguyên.

Số CCCD: 019179006088; ngày cấp: 17/12/2021; nơi cấp: Cục cảnh sát QLHC về TTXH - Bộ công an.

2. Đã có hành vi vi phạm hành chính: Vào hồi 10 giờ 00 phút, ngày 21/01/2025, tại xóm Tân Sơn, xã Cúc Đường Tổ công tác của Công an xã Cúc Đường kiểm tra, phát hiện bà Đinh Thị Thái, sinh ngày 05/5/1979, địa chỉ: Xóm Xuân Hòa, xã La Hiên, huyện Võ Nhai đã sử dụng xe máy BKS 97B1-45611 vận chuyển trái pháp luật 01 cục gỗ Nghiến xẻ nhóm IIA và 02 cục gỗ Trai lý xẻ nhóm IIA với tổng khối lượng gỗ xẻ là 0,076 m³ (quy tròn = 0,121 m³). Quá trình xác minh và khai nhận của bà Đinh Thị Thái chiếc xe máy đeo BKS 97B1-45611 là

phương tiện vi phạm vận chuyển số lâm sản trái pháp luật nêu trên không có giấy tờ đăng ký xe, xe đeo BKS giả, xe máy đã bị đục xóa số khung, số máy.

3. Quy định tại: Điểm d, khoản 1 và khoản 23 của Điều 22; điểm d, khoản 1, Điều 23, Nghị định 35/2019/NĐ-CP, ngày 25/4/2019 của Chính phủ Quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực lâm nghiệp (được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại điểm a khoản 13 và điểm a khoản 14 của Điều 1 Nghị định số 07/2022/NĐ-CP, ngày 10/01/2022 của Chính phủ)

4. Các tình tiết tăng nặng: Không

5. Các tình tiết giảm nhẹ: Không

6. Bị áp dụng hình thức xử phạt, biện pháp khắc phục hậu quả như sau:

a) Hình thức xử phạt chính: Phạt tiền, tổng số tiền phạt là 6.000.000 (Sáu triệu đồng), cụ thể

- Phạt tiền 3.000.000 đồng về hành vi vận chuyển trái pháp luật 03 cục gỗ xẻ nhóm IIA với tổng khối lượng (quy tròn) = 0,121 m³ quy định tại điểm d, khoản 1, Điều 22; Nghị định 35/2019/NĐ-CP, ngày 25/4/2019 của Chính phủ Quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực lâm nghiệp (được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại điểm a khoản 13 Điều 1 Nghị định số 07/2022/NĐ-CP, ngày 10/01/2022 của Chính phủ)

- Phạt tiền 3.000.000 đồng về hành vi mua lâm sản (0,121 m³ gỗ quy tròn nhóm IIA) trái pháp luật quy định tại khoản 23, Điều 22 và điểm d, khoản 1, Điều 23, Nghị định 35/2019/NĐ-CP, ngày 25/4/2019 của Chính phủ Quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực lâm nghiệp (được sửa đổi, bổ sung tại điểm a, khoản 14, Điều 1 Nghị định số 07/2022/NĐ-CP, ngày 10/01/2022 của Chính phủ)

b) Hình thức phạt bổ sung:

- Tịch thu sung quỹ nhà nước 01 cục gỗ Nghiến xẻ nhóm IIA và 02 cục gỗ Trai lý xẻ nhóm IIA với tổng khối lượng gỗ xẻ là 0,076 m³ (quy tròn = 0,121 m³) theo quy định tại điểm a, khoản 20, Điều 22 Nghị định 35/2019/NĐ-CP, ngày 25/4/2019 của Chính phủ Quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực lâm nghiệp (được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại điểm d khoản 13 Điều 1 Nghị định số 07/2022/NĐ-CP, ngày 10/01/2022 của Chính phủ)

- Tịch thu 01 phương tiện xe máy đeo BKS 97B1-45611 là phương tiện vi phạm không có Giấy đăng ký xe theo quy định được quy định tại điểm b, khoản 20, Điều 22 Nghị định 35/2019/NĐ-CP, ngày 25/4/2019 của Chính phủ Quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực lâm nghiệp (được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại điểm d khoản 13 Điều 1 Nghị định số 07/2022/NĐ-CP, ngày 10/01/2022 của Chính phủ).

c) Biện pháp khắc phục hậu quả: Không

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 08 tháng 4 năm 2025.

Điều 3. Quyết định này được:

1. Giao cho bà Đinh Thị Thái là cá nhân bị xử phạt có tên tại Điều 1 Quyết định này để chấp hành.

Bà Đinh Thị Thái có tên tại Điều 1 phải nghiêm chỉnh chấp hành Quyết định xử phạt này. Nếu quá thời hạn mà bà Đinh Thị Thái không tự nguyện chấp hành sẽ bị cưỡng chế thi hành theo quy định của pháp luật.

a) Bà Đinh Thị Thái bị xử phạt có tên tại Điều 1 phải nộp tiền tại Ngân hàng Nông nghiệp và PTNT huyện Võ Nhai trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày nhận được Quyết định này.

Hoặc bà Đinh Thị Thái bị xử phạt có tên tại Điều 1 nộp tiền phạt tại chỗ cho người đã ra quyết định xử phạt theo quy định tại khoản 2 Điều 78 Luật Xử lý vi phạm hành chính.

Bà Đinh Thị Thái có quyền khiếu nại hoặc khởi kiện hành chính đối với Quyết định này theo quy định của pháp luật.

2. Gửi cho Ngân hàng Nông nghiệp và PTNT huyện Võ Nhai để thu tiền phạt.

3. Gửi cho Pháp chế, Kế toán, Thủ kho, Trạm Kiểm lâm Cúc Đường để tổ chức thực hiện.

4. Gửi cho Công an xã Cúc Đường để biết và phối hợp thực hiện./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lưu: Hồ sơ

HẠT TRƯỞNG



Nguyễn Đức Quế

HẠT KIỂM LÂM HUYỆN VÕ NHAI
TRẠM KIỂM LÂM CÚC ĐƯỜNG

Số⁽¹⁾: 01/2025/BKLS

Tờ số⁽²⁾: Tổng

BẢNG KÊ LÂM SẢN

(Áp dụng đối với lâm sản là tang vật vi phạm)

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Người lập bảng kê lâm sản

- Họ và tên: Vũ Thế Phương; chức vụ: Kiểm lâm viên
- Cơ quan/đơn vị: Trạm KL Cúc Đường thuộc Hạt Kiểm lâm huyện Võ Nhai
- Địa chỉ: Xóm Tân Sơn, xã Cúc Đường, huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên.

2. Tổ chức/cá nhân liên quan

- Tên tổ chức, cá nhân: Đinh Thị Thái
- Số CCCD: 019179006088; ngày cấp: 17/12/2021; nơi cấp: Cục cảnh sát QLHC về TTXH - Bộ công an.
- Địa chỉ: Xóm Xuân Hòa, xã La Hiên, huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên.

3. Người chứng kiến

- Họ và tên:, nghề nghiệp:

Địa chỉ:

II. THÔNG TIN CHI TIẾT⁽⁸⁾

TT	Số hiệu gỗ	Tên phổ thông	Tên khoa học	Nhóm loài (Thông thường, nguy cấp quý hiếm; PL III CITES)	Số lượng	Kích thước			Khối lượng (m ³)	Ghi chú
						Dài (m)	Rộng (cm)	Đường kính/ chiều dày (cm)		
1		Gỗ Trai lý		IIA	1	0,74	30	12	0,026	
2		Gỗ Trai lý		IIA	1	0,72	28	12	0,024	
3		Gỗ Nghiến		IIA	1	0,74	30	12	0,026	
		Cộng			3				0,0760	

02 cục gỗ Trai lý xẻ, khối lượng = 0,050 m³ và 01 cục gỗ Nghiến xẻ, khối lượng 0,026 m³

**TỔ CHỨC/CÁ NHÂN
LIÊN QUAN**

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu
đối với tổ chức)

Thái
Đinh Thị Thái

Ngày 21 tháng 01 năm 2025
NGƯỜI LẬP BẢNG KÊ

Vũ Thế Phương

Số: 04 /QĐ-TT

Võ Nhai, ngày 28 tháng 03 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Tịch thu tang vật vi phạm hành chính

HẠT TRƯỞNG HẠT KIỂM LÂM HUYỆN VÕ NHAI

Căn cứ Điều 26, khoản 4 Điều 126 Luật Xử lý vi phạm hành chính (sửa đổi, bổ sung năm 2020);

Căn cứ Quyết định số 03/QĐ/TG, ngày 07/3/2024 tạm giữ tang vật vi phạm hành chính;

Căn cứ kết quả thông báo lần thứ hai của Hạt Kiểm lâm huyện Võ Nhai trên Trung tâm Văn hóa, Thể thao - Truyền thông huyện Võ Nhai từ ngày 25/3/2024;

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1.

1. Tịch thu tang vật vi phạm hành chính đã bị tạm giữ theo Quyết định số 03/QĐ/TG, ngày 25/3/2024 đối với <ông (bà)> có tên sau đây: (Không xác định được người vi phạm, chủ sở hữu, người quản lý hoặc sử dụng hợp pháp).

<Họ và tên>: Giới tính

Ngày, tháng, năm sinh: .../.../..... Quốc tịch:

Nghề nghiệp:

Nơi ở hiện tại:

Số căn cước công dân ngày cấp nơi cấp

2. Việc tịch thu tang vật vi phạm hành chính được lập thành biên bản kèm theo Quyết định này.

3. Lý do tịch thu: Không xác định được người vi phạm, chủ sở hữu, người quản lý hoặc người sử dụng hợp pháp.

4. Tài liệu kèm theo:

- Biên bản kiểm tra lâm sản ngày 07/3/2024;

- Bảng kê lâm sản kèm theo Biên bản kiểm tra ngày 07/3/2024.

- Biên bản tạm giữ ngày số 02/BB-TG, ngày 07/3/2024;
- QĐ tạm giữ số 03/QĐ-TG, ngày 07/3/2024;
- Thông báo lần 1 số 130/TB-HKL, ngày 18/3/2024;
- Thông báo lần 2, số 132/TB-HKL, ngày 25/3/2024

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Quyết định này được gửi cho Thủ kho, Pháp chế, Kế toán, Trạm Kiểm lâm Cúc Đường để tổ chức thực hiện ./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lưu: Hồ sơ

HẠT TRƯỞNG



Nguyễn Đức Quế

HỘI CỤC KIỂM LÂM THÁI NGUYÊN
HẠT KIỂM LÂM HUYỆN VÕ NHAICỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 01/2024/BKLS

Tờ số: 01/Tổng số tờ: 01

BẢNG KÊ LÂM SẢN

(Áp dụng đối với trường hợp lâm sản là tang vật vụ vi phạm)

(Kèm theo Biên bản kiểm tra lâm sản lập hồi 14 giờ 00 phút, ngày 07/03/2024 của Hạt Kiểm lâm huyện Võ Nhai)

I. THÔNG TIN CHUNG**1. Người lập bảng kê lâm sản:**

- Họ và tên: Nguyễn Quang Mừng; Chức vụ: Kiểm lâm viên. Phó Trạm trưởng Cúc Đường
- Cơ quan: Hạt Kiểm lâm huyện Võ Nhai.
- Địa chỉ: Xóm Tân Sơn, xã Cúc Đường, huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên.

2. Cá nhân vi phạm:

- Tên cá nhân: Chưa xác định được chủ lâm sản.
- Số CCCD: Cấp ngày tháng năm
- Địa chỉ: xóm, xã, huyện, tỉnh

3. Người chứng kiến:

- Họ và tên: Lương Cao Thế;
- Số GCN/MSDN/GPTL/ĐKHHĐ/CCCD/CMND/HC:
- Địa chỉ: Phó ban Lâm Nghiệp xã Thượng Nung.

TT	Số hiệu gỗ	Tên thông thường	Tên khoa học	Nhóm loài (thông thường; nguy cấp, quý, hiếm; PLI/II)	Số lượng (Thanh)	Kích thước			Trọng lượng (m ³)	Ghi chú
						Dài (m)	Rộng (m)	Chiều dày (m)		
1		Gỗ Nghiến nhóm IIa dạng bìa bấp cạnh ngọn hình thù phức tạp		IIA				400 kg		
TỔNG CỘNG								400 Kg		

Tổng trọng lượng đối với từng loại lâm sản trong bảng kê: Gỗ Nghiến nhóm IIA dạng bìa, bấp, cạnh ngọn hình thù phức tạp có trọng lượng = 400 kg (Bốn trăm ki lô gam) ./.

Thượng Nung, ngày 07 tháng 03 năm 2024

TỔ CHỨC, CÁ NHÂN LIÊN QUAN(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu
đối với tổ chức)

Chức vụ: Phó ban Lâm Nghiệp xã Thượng Nung

NGƯỜI CHỨNG KIẾN

(Ký, ghi rõ họ tên)

Lương Cao Thế
Đỗ Văn Thanh Hải**NGƯỜI LẬP BẢNG KÊ**

(Ký, ghi rõ họ tên)

Nguyễn Quang Mừng

Nguyễn Quang Mừng

Số: 03/QĐ-XPHC

Võ Nhai, ngày 18 tháng 02 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Xử phạt vi phạm hành chính**HẠT TRƯỞNG HẠT KIỂM LÂM HUYỆN VÕ NHAİ**

Căn cứ Điều 57, Điều 68, Điều 70, Điều 78, Điều 85 Luật Xử lý vi phạm hành chính (sửa đổi, bổ sung năm 2020);

Căn cứ Nghị định 35/2019/NĐ-CP, ngày 25/4/2019 của Chính phủ Quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực Lâm nghiệp; Nghị định số 07/2022/NĐ-CP, ngày 10/01/2022 của Chính phủ;

Căn cứ Biên bản vi phạm hành chính số 07/BB-VPHC, lập ngày 11/02/2025;

Căn cứ Biên bản xác minh tình tiết vi phạm hành chính số 05/BB-XM, lập ngày 07/02/2025 và số 06/BB-XM, lập ngày 10/02/2025;

QUYẾT ĐỊNH:**Điều 1.**

1. Xử phạt vi phạm hành chính đối với ông (bà) có tên sau đây:

Họ và tên: Trần Trung Mạnh. Giới tính: Nam

Ngày, tháng, năm sinh: 20/12/1998. Quốc tịch: Việt Nam.

Nghề nghiệp: Làm ruộng.

Nơi ở hiện tại: Xóm Na Rang, xã Vũ Chấn, huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên.

Số CCCD: 019098007800; ngày cấp: 18/12/2024; nơi cấp: Cục cảnh sát QLHC về TTXH - Bộ công an.

2. Đã có hành vi vi phạm hành chính: Ông Trần Trung Mạnh, sinh năm 1998, địa chỉ: Xóm Na Rang, xã Vũ Chấn đã trực tiếp thực hiện hành vi chặt hạ, khai thác trái pháp luật 10 cây gỗ tạp tròn thông thường thuộc gỗ nhóm V đến nhóm VIII với tổng khối lượng gỗ khai thác là 2,352 m³ (đã thực hiện cắt khúc, thu hồi tạm giữ, bảo quản là 50 khúc gỗ với tổng khối lượng 1,963 m³) tại lô 8 và lô 10 khoảnh 1, Tiểu khu 90 (theo bản đồ quy hoạch 3 loại rừng xã Vũ Chấn

năm 2013), hiện trạng là rừng tự nhiên, quy hoạch rừng sản xuất, thuộc xóm Na Rang, xã Vũ Chấn, huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên.

3. Quy định tại: Điểm a, khoản 1, Điều 13, Nghị định 35/2019/NĐ-CP ngày 25/4/2019 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực lâm nghiệp.

4. Các tình tiết tăng nặng: Không.

5. Các tình tiết giảm nhẹ: Không.

6. Bị áp dụng hình thức xử phạt, biện pháp khắc phục hậu quả như sau:

a) Hình thức xử phạt chính: Phạt tiền.

Cụ thể: Phạt tiền 17.500.000 đồng (Mười bảy triệu năm trăm nghìn đồng)

b) Hình thức phạt bổ sung: Tịch thu sung quỹ nhà nước 50 khúc gỗ tạp tròn thông thường nhóm V đến nhóm VIII với tổng khối lượng 1,963 m³ là tang vật vi phạm hành chính theo quy định tại điểm a, khoản 8, Điều 13, Nghị định 35/2019/NĐ-CP, ngày 25/4/2019 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực Lâm nghiệp và 01 cửa xăng màu sơn đỏ, không rõ nhãn hiệu, xuất xứ theo quy định tại điểm b, khoản 8, Điều 13, Nghị định 35/2019/NĐ-CP, ngày 25/4/2019 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực Lâm nghiệp (được sửa đổi, bổ sung tại điểm b, khoản 6, Điều 1, Nghị định số 07/2022/NĐ-CP)

c) Biện pháp khắc phục hậu quả: Không.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 18 tháng 02 năm 2025.

Điều 3. Quyết định này được:

1. Giao cho ông Trần Trung Mạnh là cá nhân bị xử phạt có tên tại Điều 1 Quyết định này để chấp hành.

Ông Trần Trung Mạnh có tên tại Điều 1 phải nghiêm chỉnh chấp hành Quyết định xử phạt này. Nếu quá thời hạn mà ông Trần Trung Mạnh không tự nguyện chấp hành sẽ bị cưỡng chế thi hành theo quy định của pháp luật.

a) Ông Trần Trung Mạnh bị xử phạt có tên tại Điều 1 phải nộp tiền tại Ngân hàng Nông nghiệp và PTNT huyện Võ Nhai trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày nhận được Quyết định này.

Hoặc ông Trần Trung Mạnh bị xử phạt có tên tại Điều 1 nộp tiền phạt tại chỗ cho người đã ra quyết định xử phạt theo quy định tại khoản 2 Điều 78 Luật Xử lý vi phạm hành chính.

Ông Trần Trung Mạnh có quyền khiếu nại hoặc khởi kiện hành chính đối với Quyết định này theo quy định của pháp luật.

2. Gửi cho Ngân hàng Nông nghiệp và PTNT huyện Võ Nhai để thu tiền phạt.
3. Gửi cho cán bộ Pháp chế, Kế toán, Thủ kho, Trạm Kiểm lâm Cúc Đường để tổ chức thực hiện.
4. Gửi cho UBND xã Vũ Chấn để biết và phối hợp thực hiện./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lưu: Hồ sơ

HẠT TRƯỞNG



Nguyễn Đức Quế

HẠT KIỂM LÂM HUYỆN VÕ NHAI
TRẠM KIỂM LÂM CÚC ĐƯỜNG

Số 01/2025/BKLS

Mẫu số 05 theo Thông tư 26/2022/TT-BNNPTNT
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Tờ số 01/Tổng số tờ 02

BẢNG KÊ LÂM SẢN (gỗ thu hồi)

(Áp dụng đối với trường hợp lâm sản là tang vật vụ vi phạm)

Kèm theo Biên bản làm việc ngày 07/02/2025 của Trạm Kiểm lâm Cúc Đường

I. THÔNG TIN CHUNG

Người lập bảng kê lâm sản:

- Họ và tên: Nguyễn Quang Mừng; Chức vụ: Kiểm lâm viên
- Cơ quan/đơn vị: Trạm Kiểm lâm Cúc Đường thuộc Hạt Kiểm lâm Võ Nhai
- Địa chỉ: Xóm Tân Sơn, xã Cúc Đường, huyện Võ Nhai

Tổ chức/cá nhân vi phạm

- Tên tổ chức/ cá nhân: Trần Trung Mạnh
- Số CCCD: 019098007800; ngày cấp: 18/12/2024; nơi cấp: Cục cảnh sát QLHC về TTXH - Bộ công an.
- Địa chỉ: Xóm Na Ra, xã Vũ Chấn, huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên.

3. Người chứng Kiến: Ma Văn Lưu

- Số GCN/MSDN/GPTL/CCCD/CMND/HC:

-Địa chỉ: Xóm Na Rang, xã Vũ Chấn, huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên

II. THÔNG TIN CHI TIẾT

TT	Số hiệu gỗ	Tên thông thường	Tên khoa học	Nhóm loài(thông thường; nguy cấp, quý, hiếm PL/II CITES)	Số lượng	Kích thước			Khối lượng (m ³)	Ghi chú
						Dài (m)	Rộng (cm)	Đường kính/chiều dày (cm)		
1		Nhội			1	1,3		18	0,033	
2		Bồ đề			1	1,3		17	0,029	
3		Bứa			1	1,3		24	0,059	
4		Bứa			1	1,3		27	0,074	
5		Bứa			1	1,3		21	0,045	
6		Bồ đề			1	1,3		13	0,017	
7		Bứa			1	1,3		18	0,033	
8		Nhội			1	1,3		16	0,026	
9		Bứa			1	1,3		14	0,020	
10		Ngát			1	1,3		12	0,015	
11		Ngát			1	1,3		19	0,037	
12		Xoan nhừ			1	1,3		21	0,045	
13		Ngát			1	1,3		14	0,020	
14		Bứa			1	1,3		12	0,015	
15		Xoan nhừ			1	1,3		27	0,074	
16		Thành Ngạnh			1	1,3		26	0,069	
17		Xoan nhừ			1	1,3		18	0,033	
18		Thành Ngạnh			1	1,3		22	0,049	

Mạnh
Trần Trung Mạnh

19		Bồ đề			1	1,3		20	0,041	
20		Thành Ngạnh			1	1,3		18	0,033	
21		Xoan như			1	1,3		15	0,023	
22		Trám			1	1,3		14	0,020	
23		Trám			1	1,3		29	0,086	
24		Trám			1	1,3		26	0,069	
25		Bồ đề			1	1,3		24	0,059	
26		Thành Ngạnh			1	1,3		14	0,020	
27		Bứa			1	1,3		16	0,026	
28		Thành Ngạnh			1	1,3		12	0,015	
29		Xoan như			1	1,3		23	0,054	
30		Ngát			1	1,3		22	0,049	
31		Trám			1	1,3		18	0,033	
32		Bứa			1	1,3		15	0,023	
33		Bồ đề			1	1,3		13	0,017	
34		Trám			1	1,3		26	0,069	
35		Trám			1	1,3		22	0,049	
36		Trám			1	1,3		20	0,041	
37		Trám			1	1,3		16	0,026	
38		Ngát			1	1,3		16	0,026	
39		Thành Ngạnh			1	1,3		12	0,015	
40		Bồ đề			1	1,3		20	0,041	
41		Bồ đề			1	1,3		16	0,026	
42		Trám			1	1,3		12	0,015	
43		Ngát			1	1,3		26	0,069	
44		Thành Ngạnh			1	1,3		16	0,026	
45		Thành Ngạnh			1	1,3		22	0,049	
46		Xoan như			1	1,3		24	0,059	
47		Thành Ngạnh			1	1,3		29	0,086	
48		Thành Ngạnh			1	1,3		26	0,069	
49		Nhội			1	1,3		14	0,020	
50		Nhội			1	1,3		12	0,015	
Tổng					50				1,963	

Võ Nhai, ngày 07 tháng 02 năm 2025

TỔ CHỨC/CÁ NHÂN LIÊN QUAN

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu
đối với tổ chức)

Mauk
Trần Trung Mauk

NGƯỜI LẬP BẢNG KÊ

Mùng
Nguyễn Quang Mùng

NGƯỜI CHỨNG KIẾN

(Ký, ghi rõ họ tên)

Mauk
Mauk Mauk

THÀNH PHẦN THẨM GIÁ

Mauk
Bùi Xuân Tín



Mauk
Nguyễn Xuân Chờ

CỤC KIỂM LÂM THÁI NGUYÊN
TẠI KIỂM LÂM HUYỆN VÕ NHAI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 05/QĐ-XPHC

Võ Nhai, ngày 21 tháng 03 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Xử phạt vi phạm hành chính

HẠT TRƯỞNG HẠT KIỂM LÂM HUYỆN VÕ NHAI

Căn cứ Điều 57, Điều 68, Điều 70, Điều 78, Điều 85 Luật Xử lý vi phạm hành chính (sửa đổi, bổ sung năm 2020);

Căn cứ Nghị định 35/2019/NĐ-CP, ngày 25/4/2019 của Chính phủ Quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực Lâm nghiệp; Nghị định 07/2022/NĐ-CP, ngày 10/01/2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực lâm nghiệp; bảo vệ và kiểm dịch thực vật; thú y; chăn nuôi;

Căn cứ Biên bản vi phạm hành chính số 07/BB-VPHC, lập ngày 14 /03/2025 về lĩnh vực Lâm nghiệp;

Căn cứ Biên bản xác minh tình tiết vi phạm hành chính số 05/BB-XM lập ngày 13/3/2025 và 06/BB-XM lập ngày 14/03/2025;

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1.

1. 1. Xử phạt vi phạm hành chính đối với < ông (bà)/tổ chức> có tên sau đây:

Họ và tên> Triệu Tài Quý; Giới tính: Nam

Ngày, tháng, năm sinh: 16/09/1972; Quốc tịch: Việt Nam

Nghề nghiệp: Làm ruộng

Nơi ở hiện tại: xóm Tân Lập, xã Sảng Mộc, huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên.

Số CCCD: 004072003251; ngày cấp: 25/06/2021; nơi cấp: Cục cảnh sát QLHC về TTXH - Bộ công an.

2. Đã có hành vi vi phạm hành chính: Vào hồi 15 giờ 00 phút, ngày 11/03/2025, Tổ công tác của UBND xã Sảng Mộc đã kiểm tra, phát hiện vụ việc chặt phá 5.351 m² rừng tự nhiên chưa có trữ lượng (trữ lượng <10 m³/01 ha) quy hoạch rừng phòng hộ tại lô 1, khoảnh 5, tiểu khu 69 (theo Bản đồ quy hoạch 3 loại rừng xã Sảng Mộc năm 2013) do Triệu Tài Quý, sinh năm 1972, địa chỉ: Xóm Tân Lập, xã Sảng Mộc là người đã thực hiện chặt phá rừng trái pháp luật trên mà không được phép của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

3. Quy định tại: Điểm a, khoản 2, Điều 20; Nghị định 35/2019/NĐ-CP ngày 25/4/2019 của Chính phủ Quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực lâm nghiệp

4. Các tình tiết tăng nặng: Không

5. Các tình tiết giảm nhẹ: Không

6. Bị áp dụng hình thức xử phạt, biện pháp khắc phục hậu quả như sau:

a) Hình thức xử phạt chính: Phạt tiền

Cụ thể: 11.000.000 đồng (Mười một triệu đồng chẵn)

b) Hình thức phạt bổ sung: Tịch thu 87 khúc gỗ tạp tròn với khối lượng 1,840 m³ là số lượng gỗ thu hồi từ hiện trường vụ việc chặt phá theo quy định tại khoản 13, Điều 20, Nghị định 35/2019/NĐ-CP, ngày 25/4/2019 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực Lâm nghiệp.

c) Biện pháp khắc phục hậu quả: Buộc trồng lại rừng bằng loài cây phù hợp với điều kiện lập địa, ưu tiên trồng cây bản địa (chọn loài cây trồng, mật độ trồng, phương thức trồng rừng phòng hộ theo quy định tại khoản 2 điều 10, Thông tư 29/2018/TT-BNNPTNT, ngày 16/11/2018 của Bộ NN&PTNT), trên diện tích 5.351 m² đã chặt phá theo quy định tại khoản 14, Điều 20, Nghị định 35/2019/NĐ-CP, ngày 25/4/2019 của Chính phủ được sửa đổi bổ sung tại điểm d, khoản 11, Điều 1, Nghị định 07/2022/NĐ-CP, ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

Thời hạn thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả: 30 ngày, kể từ ngày nhận được Quyết định này.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 21 tháng 03 năm 2025.

Điều 3. Quyết định này được:

1. Giao cho ông Triệu Tài Quý là cá nhân bị xử phạt có tên tại Điều 1 Quyết định này để chấp hành.

Ông Triệu Tài Quý có tên tại Điều 1 phải nghiêm chỉnh chấp hành Quyết định xử phạt này. Nếu quá thời hạn mà ông Triệu Tài Quý không tự nguyện chấp hành sẽ bị cưỡng chế thi hành theo quy định của pháp luật.

a) Ông Triệu Tài Quý bị xử phạt có tên tại Điều 1 phải nộp tiền tại Ngân hàng Nông nghiệp và PTNT huyện Võ Nhai trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày nhận được Quyết định này.

Hoặc ông Triệu Tài Quý bị xử phạt có tên tại Điều 1 nộp tiền phạt tại chỗ cho người đã ra quyết định xử phạt theo quy định tại khoản 2 Điều 78 Luật Xử lý vi phạm hành chính.

Ông Triệu Tài Quý có quyền khiếu nại hoặc khởi kiện hành chính đối với Quyết định này theo quy định của pháp luật.

2. Gửi cho Ngân hàng Nông nghiệp và PTNT huyện Võ Nhai để thu tiền phạt.

3. Gửi cho Pháp chế, Kế toán, Thủ kho, Kiểm lâm địa bàn xã Sảng Mộc để tổ chức thực hiện.

4. Gửi cho UBND Sảng Mộc để biết và phối hợp thực hiện./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lưu: Hồ sơ

HẠT TRƯỞNG



Nguyễn Đức Quế

BẢNG KÊ LÂM SẢN

(Áp dụng đối với trường hợp lâm sản là tang vật vụ vi phạm)
(Kèm theo Biên bản làm việc ngày 12/3/2025)

I. THÔNG TIN CHUNG: (Tang vật vụ việc phá rừng trái Pháp luật)

1. Người lập Bảng kê lâm sản:

- Họ và tên: Nguyễn Văn Thái, chức vụ: KLV, Trạm kiểm lâm Cúc Đường
- Đơn vị: Hạt Kiểm lâm huyện Võ Nhai
- Địa chỉ: Xóm Đồng Chăn, xã Lâu Thượng, huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên

2. Cá nhân vi phạm

- Tên cá nhân vi phạm: Triệu Tài Quý
- Số CCCD/CMND: 004072003251 do cục Cảnh sát QLHC về TTXH cấp Ngày 25/06/2021
- Địa chỉ: Xóm Tân Lập, xã Sáng Mộc, huyện Võ Nhai tỉnh Thái Nguyên

3. Người chứng kiến

Ông: Triệu Trung Quý, xóm Khuổi Chạo, xã Sáng Mộc, huyện Võ Nhai

II. THÔNG TIN CHI TIẾT

TT	Số hiệu gỗ	Tên thông thường	Tên khoa học	Nhóm loài (thông thường; nguy cấp, quý, hiếm PLI/II CITES)	Số lượng	Kích thước			Khối lượng (m ³)	Ghi chú
						Dài (m)	Rộng (cm)	Đường kính/chiều u dày (m)		
1		Sung			3	1.30		0.14	0.060	Nhóm VIII
2		Ngát			2	1.30		0.15	0.046	Nhóm VII
3		Ngát			2	1.00		0.14	0.031	Nhóm VII
4		Sung			4	1.30		0.14	0.080	Nhóm VIII
5		Ngát			2	1.30		0.14	0.040	Nhóm VII
6		Ngát			2	1.00		0.12	0.023	Nhóm VII
7		Hu Đay			3	1.30		0.13	0.052	Nhóm VII
8		Sung			6	1.30		0.13	0.104	Nhóm VIII
9		Sung			6	1.30		0.12	0.088	Nhóm VIII
10		Hu Đay			3	1.30		0.14	0.060	Nhóm VII
11		Sung			3	1.30		0.15	0.069	Nhóm VIII
12		Thùng mực			1	2.00		0.13	0.027	Nhóm VII
13		Thùng mực			1	1.20		0.12	0.014	Nhóm VII
14		Ngát			2	1.30		0.12	0.029	Nhóm VII
15		Sung			2	1.30		0.13	0.035	Nhóm VIII

16	Sung		4	1.30		0.14	
17	Ngát		3	1.30		0.12	
18	Sung		1	1.30		0.14	0.0
19	Sung		3	1.30		0.14	0.06
20	Ngát		1	2.00		0.13	0.027
21	Sung		1	1.30		0.13	0.017
22	Sung		3	1.30		0.15	0.069
23	Sung		4	1.30		0.13	0.069
24	Sung		3	1.30		0.15	0.069
25	Ngát		1	2.00		0.16	0.040
26	Sung		3	1.30		0.15	0.069
27	Sung		3	4.00		0.16	0.241
28	Thùng mực		1	1.30		0.11	0.012
29	Hu Đay		3	1.30		0.12	0.044
30	Sung		3	1.30		0.12	0.044
31	Thùng mực		1	2.00		0.14	0.031
32	Thùng mực		1	2.00		0.15	0.035
33	Sung		3	1.30		0.14	0.060
34	Sung		3	1.30		0.13	0.052
	Cộng		87			1.840	

Tổng số lượng, khối lượng gỗ tròn: 87 (Tám mươi bảy) lóng, khúc bằng 1,840 (một phẩy tám tư) mét khối.

NGƯỜI VI PHẠM

Quý
Tiền Tài Quý

NGƯỜI CHỨNG KIẾN

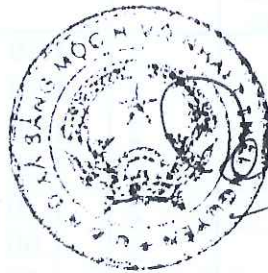
Quý
Tiền Tài Quý

NGƯỜI LẬP

Thái

THÀNH PHẦN THAM GIA

Quý - Lương Hải Hải
Thái - Nguyễn Văn Thái
Thái - Lương Sỹ Lương



KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH
Nguyễn Văn Ánh

Nguyễn Văn Thái

3/2019/NĐ-CP
chính trong lĩnh

ỤC KIỂM LÂM THÁI NGUYÊN
T KIỂM LÂM HUYỆN VÕ NHAİ

Mẫu quyết định số 02
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 06/QĐ-XPHC

Võ Nhai, ngày 24 tháng 3 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Xử phạt vi phạm hành chính

HẠT TRƯỞNG HẠT KIỂM LÂM HUYỆN VÕ NHAİ

Căn cứ Điều 57, Điều 68, Điều 70, Điều 78, Điều 85 Luật Xử lý vi phạm hành chính (sửa đổi, bổ sung năm 2020);

Căn cứ Nghị định 35/2019/NĐ-CP, ngày 25/4/2019 của Chính phủ Quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực Lâm nghiệp;

Căn cứ Biên bản vi phạm hành chính số 07/BB-VPHC, lập ngày 14/3/2025;

Căn cứ Biên bản xác minh tình tiết vi phạm hành chính số 05/BB-XM, lập ngày 11/3/2025;

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1.

1. Xử phạt vi phạm hành chính đối với ông (bà) có tên sau đây:

Họ và tên: Ma Văn Thuận; Giới tính: Nam.

Ngày tháng năm sinh: 20/06/1958; Quốc tịch: Việt Nam

Nghề nghiệp: Lao động tự do.

Nơi ở hiện tại: Xóm Bình Sơn, xã Cúc Đường, huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên.

Số CCCD: 019058003462; ngày cấp: 25/06/2021; nơi cấp: Cục cảnh sát QLHC về TTXH - Bộ công an.

2. Đã có hành vi vi phạm hành chính: Ông Ma Văn Thuận trực tiếp dùng cưa xăng (cưa máy) thực hiện hành vi chặt hạ, khai thác trái pháp luật 03 cây gỗ (02 cây gỗ Bồ đề và 01 cây gỗ Dung giấy) thuộc rừng tự nhiên tại lô 2, khoảnh 10, tiểu khu 77, quy hoạch rừng sản xuất thuộc xóm Thượng Kim, xã Thần Xa, huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên, đã cắt 03 thân gỗ (02 thân gỗ Bồ đề và 01 thân gỗ Dung giấy) được 12 khúc gỗ tròn với tổng khối lượng là 0,598 m³.

3. Quy định tại: Điểm a, khoản 1, Điều 13, Nghị định 35/2019/NĐ-CP ngày 25/4/2019 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực lâm nghiệp.

4. Các tình tiết tăng nặng: Không.

5. Các tình tiết giảm nhẹ: Không.

6. Bị áp dụng hình thức xử phạt, biện pháp khắc phục hậu quả như sau:

a) Hình thức xử phạt chính: Phạt tiền.

Cụ thể: Phạt tiền 7.500.000 đồng (*Bảy triệu năm trăm nghìn đồng chẵn*)

b) Hình thức phạt bổ sung:

+ Tịch thu sung quỹ nhà nước 12 khúc gỗ Bồ đề tròn nhóm VIII và gỗ Dung giầy tròn nhóm VIII với tổng khối lượng 0,598 m³ là tang vật vi phạm hành chính theo quy định tại điểm a, khoản 8, Điều 13, Nghị định 35/2019/NĐ-CP, ngày 25/4/2019 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực Lâm nghiệp.

+ Tịch thu 01 cửa xăng (cửa máy) màu đỏ, đã qua sử dụng, đã cũ theo quy định tại điểm b, khoản 8, Điều 13, Nghị định 35/2019/NĐ-CP, ngày 25/4/2019 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực Lâm nghiệp (được sửa đổi, bổ sung tại điểm b, khoản 6, Điều 1, Nghị định số 07/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ).

c) Biện pháp khắc phục hậu quả: Không.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 24 tháng 3 năm 2025.

Điều 3. Quyết định này được:

1. Giao cho ông Ma Văn Thuận là cá nhân bị xử phạt có tên tại Điều 1 Quyết định này để chấp hành.

Ông Ma Văn Thuận có tên tại Điều 1 phải nghiêm chỉnh chấp hành Quyết định xử phạt này. Nếu quá thời hạn mà ông Ma Văn Thuận không tự nguyện chấp hành sẽ bị cưỡng chế thi hành theo quy định của pháp luật.

a) Ông Ma Văn Thuận bị xử phạt có tên tại Điều 1 phải nộp tiền tại Ngân hàng Nông nghiệp và PTNT huyện Võ Nhai trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày nhận được Quyết định này.

Hoặc ông Ma Văn Thuận bị xử phạt có tên tại Điều 1 nộp tiền phạt tại chỗ cho người đã ra quyết định xử phạt theo quy định tại khoản 2 Điều 78 Luật Xử lý vi phạm hành chính.

Ông Ma Văn Thuận có quyền khiếu nại hoặc khởi kiện hành chính đối với Quyết định này theo quy định của pháp luật.

2. Gửi cho Ngân hàng Nông nghiệp và PTNT huyện Võ Nhai để thu tiền phạt.

3. Gửi cho cán bộ Pháp chế, Kế toán, Thủ kho, Trạm Kiểm lâm La Hiên để tổ chức thực hiện.

4. Gửi cho UBND xã Thân Xa để biết và phối hợp thực hiện./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lưu: Hồ sơ



Nguyễn Đức Quế

Số: 01/2025/BKLS

Tờ số: 01/Tổng số tờ: 01

BẢNG KÊ LÂM SẢN

(Áp dụng đối với trường hợp lâm sản là tang vật vụ vi phạm)

(Kèm theo Biên bản làm việc số 01/BB-LV ngày 10/3/2025 của Hạt Kiểm lâm Võ Nhai)

I. THÔNG TIN CHUNG**1. Người lập bảng kê lâm sản:**

- Họ và tên: Nguyễn Duy Tùng; Chức vụ: Kiểm lâm viên. Trạm trưởng
- Cơ quan: Trạm Kiểm lâm La Hiên - Hạt Kiểm lâm huyện Võ Nhai.
- Địa chỉ: Xóm Phố, xã La Hiên, huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên.

2. Cá nhân vi phạm:

- Tên cá nhân: Ma Văn Thuần
- Số CCCD: 019058003462. Cấp ngày 25 tháng 6 năm 2021
- Địa chỉ: Xóm Bình Sơn, xã Cúc Đường, huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên.

3. Người chứng kiến:

- Họ và tên: Nguyễn Trường Giang
- Số GCN/MSDN/GPTL/ĐKHHĐ/CCCD/CMND/HC: 019090015545
- Địa chỉ: Xóm Cây Bòng, xã La Hiên, huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên

TT	Số hiệu gỗ	Tên thông thường	Tên khoa học	Nhóm loài (thông thường; nguy cấp, quý, hiếm; PLI/II)	Số lượng (Thanh)	Kích thước			Khối lượng (m ³)	Ghi chú
						Dài (m)	Rộng (m)	Đường kính (cm)		
1	1	Bồ đề		Thông thường	1	1.28		26	0.068	
2	2	Bồ đề		Thông thường	1	1.26		19	0.036	
3	3	Bồ đề		Thông thường	1	1.30		24	0.059	
4	4	Bồ đề		Thông thường	1	1.30		21	0.045	
5	5	Bồ đề		Thông thường	1	1.30		23	0.054	
6	6	Bồ đề		Thông thường	1	1.25		17	0.028	
7	7	Bồ đề		Thông thường	1	1.30		21	0.045	
8	8	Bồ đề		Thông thường	1	1.27		18	0.032	
9	9	Dung giấy		Thông thường	1	1.29		28	0.079	
10	10	Dung giấy		Thông thường	1	1.30		24	0.059	
11	11	Dung giấy		Thông thường	1	1.28		23	0.053	
12	12	Dung giấy		Thông thường	1	1.27		20	0.040	
TỔNG CỘNG					12				0.598	

g, khối lượng lâm sản trong bảng kê: Gỗ Bò đê tròn nhóm VIII và gỗ Dung giấy tròn nhóm VIII, số lượng
tối lượng = 0,598 m³ (Mười hai khúc bằng không phẩy năm chín tám mét khối).

Thần Xa, ngày 10 tháng 3 năm 2025

TỔ CHỨC, CÁ NHÂN LIÊN QUAN

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Thiền
ma văn thuận
NGƯỜI CHỨNG KIẾN
(Ký, ghi rõ họ tên)

NGƯỜI LẬP BẢNG KÊ

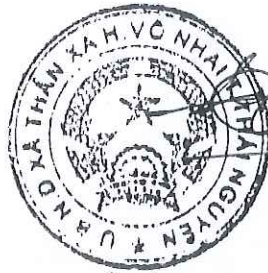
(Ký, ghi rõ họ tên)

Nguyễn Đức Cường

Nguyễn Trọng Giảng

Lê Văn Đức
Trần Văn Kim

Lý Bảo Xã Thần Xa



KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH
Hoàng Văn Thuận

**ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN VÕ NHAİ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 987/QĐ-XPHC

Võ Nhai, ngày 14 tháng 4 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Xử phạt vi phạm hành chính

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN VÕ NHAİ

Căn cứ Điều 57, Điều 68, Điều 70, Điều 78, Điều 85 Luật Xử lý vi phạm hành chính (sửa đổi, bổ sung năm 2020);

Căn cứ Nghị định số 118/2021/NĐ-CP ngày 23/12/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật xử lý vi phạm hành chính.

Căn cứ Nghị định số 35/2019/NĐ-CP, ngày 25/4/2019 của Chính phủ Quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực Lâm nghiệp; Nghị định số 07/2022/NĐ-CP, ngày 10/01/2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực lâm nghiệp; bảo vệ và kiểm dịch thực vật; thú y; chăn nuôi;

Căn cứ Quyết định số 976/QĐ-UBND, ngày 11/4/2025 về việc giao quyền xử phạt vi phạm hành chính.

Căn cứ Biên bản vi phạm hành chính số 08/BB-VPHC, lập ngày 01/4/2025;

Căn cứ Báo cáo số 131/BC-HKL ngày 02/4/2025 của Hạt Kiểm lâm huyện Võ Nhai về việc đề xuất xử phạt vi phạm hành chính vụ việc khai thác rừng tự nhiên phòng hộ tại xóm Khuân Nang, xã Liên Minh theo đơn trình bày của công dân;

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1.

1. Xử phạt vi phạm hành chính đối với cá nhân có tên sau đây:

Họ và tên: Bàn Tài Bảo; Giới tính: Nam

Ngày, tháng, năm sinh: 24/8/1995; Quốc tịch: Việt Nam

Nghề nghiệp: Lao động tự do

Nơi ở hiện tại: Xóm Khuân Nang, xã Liên Minh, huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên.

Số CCCD: 0019095006251; ngày cấp: 25/06/2021;

Nơi cấp: Cục cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội

2. Đã có hành vi vi phạm hành chính: Vào hồi 08 giờ 00 phút, ngày 17/12/2024, Tổ công tác của UBND xã Liên Minh kiểm tra tại lô 5, khoảnh 8, tiểu khu 102 (theo Báo đề quy hoạch 3 loại rừng xã Liên Minh năm 2013), quy hoạch rừng phòng hộ phát hiện vụ việc chặt hạ 14 cây gỗ rừng tự nhiên trái pháp luật.

Căn cứ đơn trình báo, phản ánh của công dân và quá trình kiểm tra, xác minh xác định Bàn Tài Bảo, sinh năm 1995, địa chỉ thường trú xóm Khuôn Nang, xã Liên Minh đã thực hiện hành vi chặt hạ, khai thác trái trái pháp luật 04 cây gỗ Dẻ nhóm VII (trong tổng số 14 cây gỗ bị chặt hạ) đã cắt khúc được 12 khúc gỗ tròn với tổng khối lượng là 4,267 m³ mà không được phép của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

3. Quy định tại: Điểm a, khoản 2, Điều 13, Nghị định số 35/2019/NĐ-CP, ngày 25/4/2019 của Chính phủ Quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực lâm nghiệp, mức phạt từ 50.000.000 đồng đến 70.000.000 đồng.

4. Các tình tiết tăng nặng: Không

5. Các tình tiết giảm nhẹ: Không

6. Bị áp dụng hình thức xử phạt, biện pháp khắc phục hậu quả như sau:

a) Hình thức xử phạt chính: Phạt tiền.

Cụ thể phạt tiền: 60.000.000 đồng (*Sáu mươi triệu đồng chẵn*).

b) Hình thức phạt bổ sung: Tịch thu 12 khúc gỗ Dẻ tròn nhóm VII với tổng khối lượng 4,267 m³ theo quy định tại điểm a, khoản 8, Điều 13, Nghị định số 35/2019/NĐ-CP, ngày 25/4/2019 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực Lâm nghiệp và 01 cửa xăng, chủng loại Haruisi 5900 (cũ, đã qua sử dụng) theo quy định tại điểm b, khoản 8, Điều 13, Nghị định số 35/2019/NĐ-CP, ngày 25/4/2019 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực Lâm nghiệp (được sửa đổi, bổ sung tại điểm b, khoản 6, Điều 1, Nghị định số 07/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ).

c) Biện pháp khắc phục hậu quả: Không

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Quyết định này được:

1. Giao cho ông Bàn Tài Bảo là cá nhân bị xử phạt có tên tại Điều 1 Quyết định này để chấp hành.

Ông Bàn Tài Bảo có tên tại Điều 1 phải nghiêm chỉnh chấp hành Quyết định xử phạt này. Nếu quá thời hạn mà ông Bàn Tài Bảo không tự nguyện chấp hành sẽ bị cưỡng chế thi hành theo quy định của pháp luật.

a) Ông Bàn Tài Bảo bị xử phạt có tên tại Điều 1 phải nộp tiền tại Ngân hàng Nông nghiệp và PTNT huyện Võ Nhai trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày nhận được Quyết định này.

Hoặc ông Bàn Tài Bảo bị xử phạt có tên tại Điều 1 nộp tiền phạt tại chỗ cho người đã ra quyết định xử phạt theo quy định tại khoản 2 Điều 78 Luật Xử lý vi phạm hành chính.

b) Ông Bàn Tài Bảo có quyền khiếu nại hoặc khởi kiện hành chính đối với Quyết định này theo quy định của pháp luật.

2. Gửi cho Ngân hàng Nông nghiệp và PTNT huyện Võ Nhai để thu tiền phạt.

3. Gửi cho Hạt Kiểm lâm huyện Võ Nhai để tổ chức thực hiện và lưu hồ sơ (bản gốc) theo quy định.

4. Gửi cho UBND Liên Minh để biết và phối hợp thực hiện. / *anh*

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lưu: Hồ sơ.

anh



Dương Văn Toán

Quyết định đã giao trực tiếp ông Bàn Tài Bảo là cá nhân bị xử phạt vào hồi
... giờ ... phút, ngày 16/4/2025.

NGƯỜI NHẬN QUYẾT ĐỊNH

(Ký, ghi rõ họ tên)

Bảo

Bàn Tài Bảo



Số: 02/2024/BKLS

Tờ số: 01 Tổng số tờ: 02

BẢNG KÊ LÂM SẢN

(Áp dụng đối với trường hợp lâm sản là tang vật vụ vi phạm)
(Kèm theo Biên bản kiểm tra ngày 17/12/2024 của Tổ công tác)

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Người lập Bảng kê lâm sản:

Họ và tên: Đinh Xuân Hữu. Chức vụ: Kiểm lâm viên.

Cơ quan, đơn vị công tác: Hạt Kiểm lâm Võ Nhai - Chi cục Kiểm lâm Thái Nguyên

Địa chỉ: Xóm Đồng Chăn, xã Lâu Thượng, huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên.

2. Tổ chức/cá nhân vi phạm:

Tên và tên cá nhân: Bàn Tài Bảo

Số Căn cước công dân số: 019095006251; ngày cấp: 25/06/2021; nơi cấp: Cục Cảnh sát Quản lý hành chính về TTXH.

Địa chỉ: xóm Khuân Nang, xã Liên Minh, huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên.

3. Người chứng kiến: Lý Văn Đức

Địa chỉ: Xóm Khuân Nang, xã Liên Minh, huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên

II. THÔNG TIN CHI TIẾT

TT	Số hiệu gỗ	Tên thông thường	Tên khoa học	Nhóm loài (thông thường; nguy cấp, quý, hiếm; PLI/II CITES)	Số lượng	Kích thước			Khối lượng (m ³)	Ghi chú
						Dài (m)	Rộng (cm)	Đường kính/ chiều dày (cm)		
1		Gỗ Dẻ trắng		VII	1	1,59		58	0,420	
2		Gỗ Dẻ trắng		VII	1	1,90		44	0,289	
3		Gỗ Dẻ trắng		VII	1	3,23		51	0,660	
4		Gỗ Dẻ trắng		VII	1	1,97		19,5	0,059	
5		Gỗ Dẻ trắng		VII	1	2,08		36,7	0,220	
6		Gỗ Dẻ trắng		VII	1	2,67		23	0,111	
7		Gỗ Dẻ trắng		VII	1	3,93		54	0,900	
8		Gỗ Dẻ trắng		VII	1	3,96		29,5	0,271	
9		Gỗ Dẻ trắng		VII	1	3,99		32	0,321	
10		Gỗ Dẻ trắng		VII	1	3,90		27	0,223	

Số: 01/2024/BKLS

Tờ số: 01 Tổng số tờ: 01

BẢNG KÊ LÂM SẢN

(Áp dụng đối với trường hợp lâm sản là tang vật vụ vi phạm)
(Kèm theo Biên bản kiểm tra ngày 17/12/2024 của Tổ công tác)

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Người lập Bảng kê lâm sản:

Họ và tên: Đinh Xuân Hữu. Chức vụ: Kiểm lâm viên phụ trách địa bàn xa Liên Minh

Cơ quan, đơn vị công tác: Hạt Kiểm lâm Võ Nhai - Chi cục Kiểm lâm Thái Nguyên

Địa chỉ: Xóm Đồng Chăn, xã Lâu Thượng, huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên.

2. Tổ chức/cá nhân vi phạm:

Tên tổ chức, cá nhân: Chưa xác định được đối tượng vi phạm

Số Căn cước công dân số:

Địa chỉ:

3. Người chứng kiến: Lý Văn Đức

Địa chỉ: Xóm Khuân Nang, xã Liên Minh, huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên

II. THÔNG TIN CHI TIẾT

TT	Số hiệu gỗ	Tên thông thường	Tên khoa học	Nhóm loài	Số lượng	Kích thước			Khối lượng (m ³)	Ghi chú
						Dài (m)	Rộng (cm)	Đường kính (cm)		
1		Gỗ Dẻ trắng		VII	1	1,37		48	0,248	
2		Gỗ Dẻ trắng		VII	1	4,00		42	0,554	
3		Gỗ Dẻ trắng		VII	1	4,80		40	0,603	
4		Gỗ Dẻ trắng		VII	1	4,02		45	0,639	
5		Gỗ Dẻ trắng		VII	1	4,02		38	0,456	
6		Gỗ Dẻ trắng		VII	1	10,0		25	0,491	
7		Gỗ Dẻ trắng		VII	1	10,0		30	0,707	
8		Gỗ Dẻ trắng		VII	1	1,40		35	0,135	
		Tổng			8				3,833	

Tổng số lượng, khối lượng đối với từng loại lâm sản có trong bảng kê: 8 khúc gỗ Giẻ tròn = 3,833 m³ (Tám lóng, khúc bằng ba phẩy tám ba ba mét khối)

CÁ NHÂN LIÊN QUAN
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu
đối với tổ chức)

Chưa xác định

NGƯỜI CHỨNG KIẾN
(Ký, ghi rõ họ tên)

Đinh Văn Đức

NGƯỜI LẬP BẢNG KÊ
(Ký, ghi rõ họ tên)

Đinh Xuân Hữu

THÀNH PHẦN THAM GIA

Đinh Văn Đức
Đinh Văn Việt
Đinh Văn Phú

Đinh Xuân Hữu

Võ Nhai, ngày 17 tháng 12 năm 2024

Số: 09/QĐ-XPHC

Võ Nhai, ngày 02 tháng 02 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH
Xử phạt vi phạm hành chính

HẠT TRƯỞNG HẠT KIỂM SỐ 15

Căn cứ Điều 57, Điều 68, Điều 70, Điều 78, Điều 85 Luật Xử lý vi phạm hành chính (sửa đổi, bổ sung năm 2025);

Căn cứ Nghị định 35/2019/NĐ-CP, ngày 25/4/2019 của Chính phủ Quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực Lâm nghiệp; Nghị định 07/2022/NĐ-CP, ngày 10/01/2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực lâm nghiệp; bảo vệ và kiểm dịch thực vật; thú y; chăn nuôi;

Căn cứ Biên bản vi phạm hành chính số 06/BB-VPHC, lập ngày 02/02/2026 về lĩnh vực Lâm nghiệp;

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1.

1. Xử phạt vi phạm hành chính đối với < ông (bà)/tổ chức > có tên sau đây:

Họ và tên : Nguyễn Việt Trọng; Giới tính: Nam

Ngày, tháng, năm sinh: 15/01/1983; Quốc tịch: Việt Nam.

Nghề nghiệp: Lao động tự do (lái xe ô tô)

Nơi ở hiện nay: xóm Phú Nam 3, xã Vô Tranh, tỉnh Thái Nguyên.

Số CCCD: 019083013457; ngày cấp: 25/6/2021; nơi cấp: Cục Quản lý hành chính về trật tự xã hội - Bộ Công an

2. Đã có hành vi vi phạm hành chính: Vào hồi 16 giờ 30 phút, ngày 29/01/2026, Tổ công tác Hạt Kiểm lâm số 15 phối hợp với công an xã Võ Nhai kiểm tra lâm sản vận chuyển trên xe ô tô BKS 34L-6247 do ông Nguyễn Việt Trọng, sinh năm 1983 có địa chỉ xóm Phú Nam 3, xã Vô Tranh, tỉnh Thái Nguyên là người điều khiển phương tiện đồng thời là chủ lâm sản, chủ phương tiện vận chuyển trái pháp luật 32 khúc gỗ Tạp, Xoan Nhừ, Dẻ tròn bằng 0,98m³. Quá trình làm việc và khai nhận của ông Nguyễn Việt Trọng chiếc xe ô tô BKS 34L-6247 là phương tiện vi phạm vận chuyển số lâm sản trái pháp luật nêu trên là mua của ông Nguyễn Văn Duyên có địa chỉ Lý Nhân – Dục Tú – Đông Anh – Hà Nội chưa làm thủ tục sang tên.

3. Quy định tại: Điểm c, khoản 1 và khoản 23 của Điều 22; điểm c, khoản 1, Điều 23, Nghị định 35/2019/NĐ-CP, ngày 25/4/2019 của Chính phủ Quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực lâm nghiệp (được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại điểm a khoản 13 và điểm a khoản 14 của Điều 1 Nghị định số 07/2022/NĐ-CP, ngày 10/01/2022 của Chính phủ)

4. Các tình tiết tăng nặng: Không

5. Các tình tiết giảm nhẹ: Không

6. Bị áp dụng hình thức xử phạt, biện pháp khắc phục hậu quả như sau:

a) Hình thức xử phạt chính: Phạt tiền, tổng số tiền phạt là 6.000.000 (Sáu triệu đồng), cụ thể

- Phạt tiền 3.000.000 đồng về hành vi vận chuyển trái pháp luật 32 khúc gỗ Tạp, Xoan Như, Dẻ tròn bằng 0,98m³ quy định tại điểm c, khoản 1, Điều 22; Nghị định 35/2019/NĐ-CP, ngày 25/4/2019 của Chính phủ Quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực lâm nghiệp (được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại điểm a khoản 13 Điều 1 Nghị định số 07/2022/NĐ-CP, ngày 10/01/2022 của Chính phủ)

- Phạt tiền 3.000.000 đồng về hành vi mua lâm sản (32 khúc gỗ Tạp, Xoan Như, Dẻ tròn bằng 0,98m³) trái pháp luật quy định tại khoản 23, Điều 22 và điểm c, khoản 1, Điều 23, Nghị định 35/2019/NĐ-CP, ngày 25/4/2019 của Chính phủ Quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực lâm nghiệp (được sửa đổi, bổ sung tại điểm a, khoản 14, Điều 1 Nghị định số 07/2022/NĐ-CP, ngày 10/01/2022 của Chính phủ)

b) Hình thức phạt bổ sung:

- Tịch thu sung quỹ nhà nước 32 khúc gỗ Tạp, Xoan Như, Dẻ tròn bằng 0,98m³ (có bảng kê lâm sản kèm theo) theo quy định tại điểm a, khoản 20, Điều 22 Nghị định 35/2019/NĐ-CP, ngày 25/4/2019 của Chính phủ Quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực lâm nghiệp (được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại điểm d khoản 13 Điều 1 Nghị định số 07/2022/NĐ-CP, ngày 10/01/2022 của Chính phủ)

c) Biện pháp khắc phục hậu quả: Không

Thời hạn thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả ⁽¹⁴⁾ ngày, kể từ ngày nhận được Quyết định này.

Những nội dung trực tiếp liên quan đến việc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả (nếu có): ⁽¹⁵⁾

Mọi chi phí tổ chức thi hành biện pháp khắc phục hậu quả do <ông (bà)/tổ chức> ^(**) bị xử phạt có tên tại Điều này chi trả.

<Ông (bà)/Tổ chức> ^(**) có tên tại Điều này phải hoàn trả số kinh phí là:.....
(Bằng chữ:.....)

cho: ⁽¹⁶⁾.....là cơ quan đã thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả theo quy định tại khoản 5 Điều 85 Luật Xử lý vi phạm hành chính.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 02 tháng 02 năm 2026.

Điều 3. Quyết định này được:

1. Giao cho ông Nguyễn Viết Trọng là cá nhân bị xử phạt có tên tại Điều 1 Quyết định này để chấp hành.

Ông Nguyễn Viết Trọng có tên tại Điều 1 phải nghiêm chỉnh chấp hành Quyết định xử phạt này. Nếu quá thời hạn mà ông Nguyễn Viết Trọng không tự nguyện chấp hành thì sẽ bị cưỡng chế thi hành theo quy định của pháp luật và cứ mỗi ngày chậm nộp tiền phạt thì cá nhân, tổ chức vi phạm phải nộp thêm 0,05% tính trên tổng số tiền phạt chưa nộp.

a) Ông Nguyễn Viết Trọng bị xử phạt có tên tại Điều 1 phải nộp tiền phạt tại ngân hàng Agribank chi nhánh Võ Nhai, Thái Nguyên – Phòng giao dịch số 2 để thu tiền phạt. Hoặc ông Nguyễn Viết Trọng bị xử phạt có tên tại Điều 1 nộp tiền phạt tại chỗ cho người đã ra quyết định xử phạt theo quy định tại khoản 2 Điều 78 Luật Xử lý vi phạm hành chính.

b) Ông Nguyễn Viết Trọng bị xử phạt có tên tại Điều 1 bị tạm giữ 01 xe ô tô tải ben BKS 34L-6247 và toàn bộ số lâm sản vận chuyển trên xe ô tô để bảo đảm thi hành quyết định xử phạt.

c) Ông Nguyễn Viết Trọng có quyền khiếu nại hoặc khởi kiện hành chính đối với Quyết định này theo quy định của pháp luật.

2. Gửi cho Ngân hàng Agribank chi nhánh Võ Nhai, Thái Nguyên – Phòng giao dịch số 2 để thu tiền phạt.

3. Gửi cho ông Bùi Khắc Thịnh cán bộ pháp chế, kế toán đơn vị để tổ chức thực hiện.

4. Gửi cho UBND xã Vô Tranh, Công an xã Vô Tranh, tỉnh Thái Nguyên để biết và phối hợp thực hiện.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lưu: Hồ sơ

HẠT TRƯỞNG



Nguyễn Đức Quế

CHI CỤC KIỂM LÂM THÁI NGUYÊN
HẠT KIỂM LÂM SỐ 15

Số⁽¹⁾: 01/2026/BKLS

Tờ số⁽²⁾: Tổng số tờ: 05

BẢNG KÊ LÂM SẢN

(Áp dụng đối với lâm sản là tang vật vi phạm)

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Người lập bảng kê lâm sản

- Họ và tên: Bùi Khắc Thịnh; chức vụ: Kiểm lâm viên
- Cơ quan/đơn vị: Hạt Kiểm lâm số 15
- Địa chỉ: xóm Đồng Chăn, xã Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên.

2. Tổ chức/cá nhân liên quan

- Tên tổ chức, cá nhân: Nguyễn Viết Trọng
- Số CCCD: 019083013457; ngày cấp: 25/6/2021; nơi cấp: Cục cảnh sát QLHC về TTXH - Bộ công an.
- Địa chỉ: xóm Phú Nam 3, xã Võ Tranh, tỉnh Thái Nguyên.

3. Người chứng kiến

- Họ và tên: Bùi Văn Long
- Địa chỉ: xóm xóm Làng Lường, xã Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên.

II. THÔNG TIN CHI TIẾT⁽³⁾

TT	Số hiệu /nhãn hiệu đánh dấu	Tên Gỗ				Quy cách đối với gỗ tròn, gỗ xẻ, thanh tà vẹt, các loại ván			Số lượng	Khối lượng (m ³)	Ghi chú
		Tên tiếng việt	Tên tiếng anh	Tên khoa học	Nhóm loài	Dài (m)	Rộng (cm)	Đường kính/ chiều dày (cm)			
2	2	Xoan Nhừ			VI	0,4		0,34	3	0,11	
3	3	Xoan Nhừ			VI	0,4		0,3	4	0,11	
5	5	Xoan Nhừ			VI	0,45		0,32	2	0,07	
10	10	Xoan Nhừ			VI	0,35		0,33	4	0,12	
11	11	Xoan Nhừ			VI	0,4		0,33	3	0,10	
12	12	Dẻ			VI	0,4		0,3	3	0,08	
13	13	Dẻ			VI	0,4		0,22	2	0,03	
14	14	Dẻ			VI	0,4		0,35	4	0,15	
15	15	SP			VI	0,4		0,3	3	0,08	
16	16	SP			VI	0,4		0,3	4	0,11	
		Cộng							32	0,98	

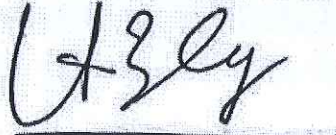
- Gỗ Xoan Nhừ tròn nhóm VI gồm 16 khúc bằng 0,52 m³.
 - Gỗ Dẻ nhóm VI gồm 09 khúc bằng 0,27m³
 - Gỗ Tạp (SP) nhóm VI gồm 07 khúc bằng 0,2m³.
- Tổng số lượng 32 khúc bằng 0,98m³.

**TỔ CHỨC/CÁ NHÂN
LIÊN QUAN**


(Ký, ghi rõ họ tên, đóng
đôi với tổ chức)

Thong
Nguyễn viết thong

NGƯỜI CHỨNG KIẾN


Bùi Văn Lợi

Ngày 02 tháng 02 năm 2026
NGƯỜI LẬP BẢNG KÊ


Kiểm lâm viên
Bùi Khắc Thịnh

CHI CỤC KIỂM LÂM THÁI NGUYÊN
HẠT KIỂM LÂM SỐ 15

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 12/QĐ-XPHC

Võ Nai, ngày 23 tháng 03 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH
Xử phạt vi phạm hành chính

HẠT TRƯỞNG HẠT KIỂM SỐ 15

Căn cứ Điều 57, Điều 68, Điều 70, Điều 78, Điều 85 Luật Xử lý vi phạm hành chính (sửa đổi, bổ sung năm 2025);

Căn cứ Nghị định 35/2019/NĐ-CP, ngày 25/4/2019 của Chính phủ Quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực Lâm nghiệp; Nghị định 07/2022/NĐ-CP, ngày 10/01/2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực lâm nghiệp; bảo vệ và kiểm dịch thực vật; thú y; chăn nuôi;

Căn cứ Biên bản vi phạm hành chính số 08/BB-VPHC, lập ngày 23/03/2026 về lĩnh vực Lâm nghiệp;

căn cứ Quyết định giao quyền xử phạt số 11/QĐ-GQXP ngày 23/3/2026 của Hạt trưởng Hạt Kiểm lâm số 15

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1.

1. Xử phạt vi phạm hành chính đối với < ông (bà)/tổ chức > có tên sau đây:

<Họ và tên> Triệu Thị Bình; Giới tính: Nữ

Ngày, tháng, năm sinh: 10/9/1998; Quốc tịch: Việt Nam.

Nghề nghiệp: Lao động tự do (lái xe ô tô)

Nơi ở hiện nay: Thôn Suối Tím, xã Tân Chi, tỉnh Lạng Sơn

Số CCCD: 020198003221; ngày cấp: 07/8/2023; nơi cấp: Cục Quản lý hành chính về trật tự xã hội - Bộ Công an.

2. Đã có hành vi vi phạm hành chính: Vào hồi 10 giờ 30 phút, ngày 18/03/2026, Tổ công tác Hạt Kiểm lâm số 15 kiểm tra lâm sản vận chuyển trên xe ô tô BKS 12C-117.44 do bà Triệu Thị Bình, sinh năm 1998 có địa chỉ thôn Suối Tím, xã Tân Chi, tỉnh Lạng Sơn là người điều khiển phương tiện đồng thời là chủ lâm sản vận chuyển trái pháp luật 20 khúc gỗ Tạp tròn nhóm VIII bằng 0,45m³.

3. Quy định tại: Điểm c, khoản 1, Điều 22; điểm c, khoản 1, Điều 23, Nghị định 35/2019/NĐ-CP, ngày 25/4/2019 của Chính phủ Quy định xử phạt vi phạm

hành chính trong lĩnh vực lâm nghiệp (được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại điểm a khoản 13 và điểm a khoản 14 của Điều 1 Nghị định số 07/2022/NĐ-CP, ngày 10/01/2022 của Chính phủ).

4. Các tình tiết tăng nặng: Không

5. Các tình tiết giảm nhẹ: Không

6. Bị áp dụng hình thức xử phạt, biện pháp khắc phục hậu quả như sau:

a) Hình thức xử phạt chính: Phạt tiền, tổng số tiền phạt là 6.000.000 (Sáu triệu đồng), cụ thể

- Phạt tiền 3.000.000 đồng về hành vi vận chuyển trái pháp luật 20 khúc gỗ Tụp nhóm VIII, quy định tại điểm c, khoản 1, Điều 22; Nghị định 35/2019/NĐ-CP, ngày 25/4/2019 của Chính phủ Quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực lâm nghiệp (được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại điểm a khoản 13 Điều 1 Nghị định số 07/2022/NĐ-CP, ngày 10/01/2022 của Chính phủ)

- Phạt tiền 3.000.000 đồng về hành vi mua lâm sản (20 khúc gỗ Tụp nhóm VIII) trái pháp luật quy định tại điểm c, khoản 1, Điều 23, Nghị định 35/2019/NĐ-CP, ngày 25/4/2019 của Chính phủ Quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực lâm nghiệp (được sửa đổi, bổ sung tại điểm a, khoản 14, Điều 1 Nghị định số 07/2022/NĐ-CP, ngày 10/01/2022 của Chính phủ)

b) Hình thức phạt bổ sung:

- Tịch thu sung quỹ nhà nước 20 khúc gỗ Tụp nhóm VIII tròn bằng 0,45m³ (có bảng kê lâm sản kèm theo) theo quy định tại điểm a, khoản 20, Điều 22 Nghị định 35/2019/NĐ-CP, ngày 25/4/2019 của Chính phủ Quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực lâm nghiệp (được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại điểm d khoản 13 Điều 1 Nghị định số 07/2022/NĐ-CP, ngày 10/01/2022 của Chính phủ)

c) Biện pháp khắc phục hậu quả: Không

Thời hạn thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả ⁽¹⁴⁾ ngày, kể từ ngày nhận được Quyết định này.

Những nội dung trực tiếp liên quan đến việc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả (nếu có): ⁽¹⁵⁾

Mọi chi phí tổ chức thi hành biện pháp khắc phục hậu quả do <ông (bà)/tổ chức> ^(*) bị xử phạt có tên tại Điều này chi trả.

<Ông (bà)/Tổ chức> ^(**) có tên tại Điều này phải hoàn trả số kinh phí là:.....

(Bằng chữ:.....)

cho: ⁽¹⁶⁾ là cơ quan đã thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả theo quy định tại khoản 5 Điều 85 Luật Xử lý vi phạm hành chính.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 23 tháng 03 năm 2026.

Điều 3. Quyết định này được:

1. Giao cho bà Triệu Thị Bình là cá nhân bị xử phạt có tên tại Điều 1 Quyết định này để chấp hành.

Bà Triệu Thị Bình có tên tại Điều 1 phải nghiêm chỉnh chấp hành Quyết định xử phạt này. Nếu quá thời hạn mà bà Triệu Thị Bình không tự nguyện chấp hành thì sẽ bị cưỡng chế thi hành theo quy định của pháp luật và cứ mỗi ngày chậm nộp tiền phạt thì cá nhân, tổ chức vi phạm phải nộp thêm 0,05% tính trên tổng số tiền phạt chưa nộp.

a) Bà Triệu Thị Bình bị xử phạt có tên tại Điều 1 phải nộp tiền phạt tại ngân hàng Agribank chi nhánh Võ Nhai, Thái Nguyên – Phòng giao dịch số 2 để thu tiền phạt. Hoặc bà Triệu Thị Bình bị xử phạt có tên tại Điều 1 nộp tiền phạt tại chỗ cho người đã ra quyết định xử phạt theo quy định tại khoản 2 Điều 78 Luật Xử lý vi phạm hành chính.

b) Bà Triệu Thị Bình bị xử phạt có tên tại Điều 1 bị tạm giữ 01 xe ô tô tải ben BKS 12C- 117.44 và toàn bộ số lâm sản vận chuyển trên xe ô tô để bảo đảm thi hành quyết định xử phạt.

c) Bà Triệu Thị Bình có quyền khiếu nại hoặc khởi kiện hành chính đối với Quyết định này theo quy định của pháp luật.

2. Gửi cho Ngân hàng Agribank chi nhánh Võ Nhai, Thái Nguyên – Phòng giao dịch số 2 để thu tiền phạt.

3. Gửi cho ông Bùi Khắc Thịnh cán bộ pháp chế, kế toán đơn vị để tổ chức thực hiện.

4. Gửi cho UBND xã Tân Chi, Công an xã Tân Chi, tỉnh Lạng Sơn để biết và phối hợp thực hiện.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lưu: Hồ sơ

**KT.HẠT TRƯỞNG
PHÓ HẠT TRƯỞNG**



Triệu Tuấn Linh

CHI CỤC KIỂM LÂM THÁI NGUYÊN
HẠT KIỂM LÂM SỐ 15

Số⁽¹⁾: 02/2026/BKLS

Tờ số⁽²⁾: Tổng số tờ: 05

BẢNG KÊ LÂM SẢN

(Áp dụng đối với lâm sản là tang vật vi phạm)

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Người lập bảng kê lâm sản

- Họ và tên: Bùi Khắc Thịnh; chức vụ: Kiểm lâm viên
- Cơ quan/đơn vị: Hạt Kiểm lâm số 15
- Địa chỉ: xóm Đồng Chăn, xã Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên.

2. Tổ chức/cá nhân liên quan

- Tên tổ chức, cá nhân: Triệu Thị Bình
- Số CCCD: 020198003221; ngày cấp: 07/08/2023; nơi cấp: Cục cảnh sát QLHC về TTXH - Bộ công an.
- Địa chỉ: Thôn Suối Tím, xã Tân Tri, tỉnh Lạng Sơn

3. Người chứng kiến

- Họ và tên: Bùi Văn Long
- Địa chỉ: xóm Làng Lường, xã Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên.

II. THÔNG TIN CHI TIẾT⁽⁸⁾

TT	Số hiệu /nhãn hiệu đánh dấu	Tên Gỗ				Quy cách đối với gỗ tròn, gỗ xẻ, thanh tà vẹt, các loại ván			Số lượng	Khối lượng (m ³)	Ghi chú
		Tên tiếng việt	Tên tiếng anh	Tên khoa học	Nhóm loài	Dài (m)	Rộng (cm)	Đường kính/ chiều dày (cm)			
1		Gỗ tạp tròn			VIII	1,3		0,1	8	0,08	
2					VIII	1,3		0,15	7	0,16	
3					VIII	1,3		0,2	5	0,20	
Cộng									20	0,45	

Tổng số lượng, khối lượng đối với từng loại lâm sản có trong bảng kê:
Gỗ tạp tròn nhóm VIII gồm 20 khúc bằng 0,45 m³ (bằng chữ Hai mươi khúc bằng không phẩy bốn mươi
lăm mét khối).

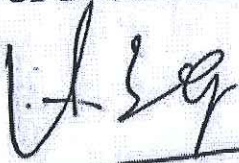
Ngày 23 tháng 3 năm 2026
NGƯỜI LẬP BẢNG KÊ


TỔ CHỨC/CÁ NHÂN
LIÊN QUAN

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng
đôi với tổ chức)

Bình
Hiệu thi Bình

NGƯỜI CHỨNG KIẾN


Bùi Văn Lợi


Kiểm lâm viên
Bùi Khắc Thịnh

Số: 09/QĐ-XPHC

Võ Nhai, ngày 28 tháng 04 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH
Xử phạt vi phạm hành chính

HẠT TRƯỞNG HẠT KIỂM LÂM SỐ 15

Căn cứ Điều 57, Điều 68, Điều 70, Điều 78, Điều 85 Luật Xử lý vi phạm hành chính (sửa đổi, bổ sung năm 2025);

Căn cứ Căn cứ Nghị định 35/2019/NĐ-CP, ngày 25/4/2019 của Chính phủ Quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực Lâm nghiệp; Nghị định 07/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ sửa đổi bổ sung một số điều của các Nghị định về xử phạt VPHC trong lĩnh vực lâm nghiệp; bảo vệ, kiểm dịch thực vật; thú y; chăn nuôi;

Căn cứ Biên bản vi phạm hành chính số 06/BB-VPHC, lập ngày 14/04/2026 về lĩnh vực Lâm nghiệp;

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1.

1. Xử phạt vi phạm hành chính đối với < ông (bà)/tổ chức > có tên sau đây:

<Họ và tên> Nông Văn Học; Giới tính: Nam

Ngày, tháng, năm sinh: 27/06/1992; Quốc tịch: Việt Nam.

Nghề nghiệp: Lao động tự do (lái xe ô tô)

Nơi ở hiện nay: xóm Nác, xã Trảng Xá, tỉnh Thái Nguyên

Số CCCD: 019092005782 ngày cấp: 25/6/2021; nơi cấp: Cục Quản lý hành chính về trật tự xã hội - Bộ Công an

2. Đã có hành vi vi phạm hành chính: Vào hồi 14 giờ 30 phút, ngày 25/03/2026, Tổ công tác của UBND xã Trảng Xá đã kiểm tra, phát hiện vụ việc chặt phá 4.834 m² rừng tự nhiên chưa có trữ lượng (trữ lượng <10 m³/01 ha) quy hoạch rừng phòng hộ, rừng sản xuất; trong đó diện tích phát phá rừng sản xuất tự nhiên chưa có trữ lượng là 3.239m² tại lô 1, khoảnh 1b, tiểu khu 115, diện tích phát phá rừng phòng hộ tự nhiên chưa có trữ lượng là 1.595m² tại lô 3, khoảnh 10, tiểu khu 113 (theo bản đồ quy hoạch tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2021-2030; Quyết định 222/QĐ-TTg ngày 14/3/2023 của Thủ tướng Chính phủ); lâm sản thu hồi tại hiện trường gồm 48 khúc gỗ tròn thông thường bằng 1,612m³ (có bảng kê lâm sản kèm theo). diện tích phát phá rừng trên do Nông Văn Học, sinh năm 1992, địa chỉ:

Xóm Nác, xã Tràng Xá là người đã thực hiện chặt phá rừng trái pháp luật trên III. không được phép của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

3. Quy định tại: Điểm a, khoản 2, Điều 20 Nghị định 35/2019/NĐ-CP ngày 25/4/2019 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực lâm nghiệp.

4. Các tình tiết tăng nặng: Không

5. Các tình tiết giảm nhẹ: Không

6. Bị áp dụng hình thức xử phạt, biện pháp khắc phục hậu quả như sau:

a) Hình thức xử phạt chính: Phạt tiền

Cụ thể phạt tiền: 11.000.000 đồng (Mười một triệu đồng chẵn)

b) Hình thức phạt bổ sung: Tịch thu 01 cưa xăng (cưa máy) và 48 khúc gỗ tạp tròn thông thường với khối lượng 1,612 m³ là số lượng gỗ thu hồi từ hiện trường vụ việc chặt phá theo quy định tại khoản 13, Điều 20, Nghị định 35/2019/NĐ-CP, ngày 25/4/2019 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực Lâm nghiệp.

c) Biện pháp khắc phục hậu quả: Buộc trồng lại rừng hoặc thanh toán chi phí trồng lại rừng cho đến khi thành rừng theo suốt đầu tư được áp dụng tại địa phương tại thời điểm vi phạm hành chính trên diện tích 4.834 m² đã chặt phá theo quy định tại khoản 14, Điều 20, Nghị định 35/2019/NĐ-CP, ngày 25/4/2019 của Chính phủ được sửa đổi bổ sung tại điểm d, khoản 11, Điều 1, Nghị định 07/2022/NĐ-CP, ngày 10/01/2022 của Chính phủ

Thời hạn thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả: 30 ngày, kể từ ngày nhận được Quyết định này.

Mọi chi phí tổ chức thi hành biện pháp khắc phục hậu quả do ông Nông Văn Học bị xử phạt có tên tại Điều này chi trả.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 28 tháng 04 năm 2026.

Điều 3. Quyết định này được:

1. Giao cho ông Nông Văn Học là cá nhân bị xử phạt có tên tại Điều 1 Quyết định này để chấp hành.

Ông Nông Văn Học có tên tại Điều 1 phải nghiêm chỉnh chấp hành Quyết định xử phạt này. Nếu quá thời hạn mà ông Nông Văn Học không tự nguyện chấp hành thì sẽ bị cưỡng chế thi hành theo quy định của pháp luật và cứ mỗi ngày chậm nộp tiền phạt thì cá nhân, tổ chức vi phạm phải nộp thêm 0,05% tính trên tổng số tiền phạt chưa nộp.

a) Ông Nông Văn Học bị xử phạt có tên tại Điều 1 phải nộp tiền phạt tại ngân hàng Agribank chi nhánh Võ Nhai, Thái Nguyên – Phòng giao dịch số 2 để thu tiền phạt. Hoặc ông Nông Văn Học bị xử phạt có tên tại Điều 1 nộp tiền phạt tại

chỗ cho người đã ra quyết định xử phạt theo quy định tại khoản 2 Điều 78 Luật
lý vi phạm hành chính.

b) Ông Nông Văn Học bị xử phạt có tên tại Điều 1 bị tạm giữ 48 khúc gỗ 1
thông thường bằng 1,612 m³; 01 cửa xăng (cửa máy) để bảo đảm thi hành qu
định xử phạt.

c) Ông Nông Văn Học có quyền khiếu nại hoặc khởi kiện hành chính đối
Quyết định này theo quy định của pháp luật.

2. Gửi cho Ngân hàng Agribank chi nhánh Võ Nhai, Thái Nguyên – Ph
giao dịch số 2 để thu tiền phạt.

3. Gửi cho ông Bùi Khắc Thịnh cán bộ pháp chế, kế toán đơn vị để tổ ch
thực hiện.

4. Gửi cho UBND xã Tràng Xá, Công an xã Tràng Xá, tỉnh Thái Nguyên
biết và phối hợp thực hiện.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lưu: Hồ sơ

HẠT TRƯỞNG



Nguyễn Đức Quế

BẢNG KÊ LÂM SẢN

(Áp dụng đối với lâm sản là tang vật vi phạm)

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Người lập bảng kê lâm sản

- Họ và tên: Lưu Quang Nghĩa; chức vụ: Kiểm lâm viên
- Cơ quan/đơn vị: Hạt Kiểm lâm số 15
- Địa chỉ: xóm Đồng Chăn, xã Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên.

2. Tổ chức/cá nhân liên quan

- Tên tổ chức, cá nhân: Nông Văn Học
- Số CCCD: 019092005782; ngày cấp: 25/6/2021; nơi cấp: Cục cảnh sát QLHC về TTXH - Bộ công an.
- Địa chỉ: Xóm Nác, xã Tràng Xá, tỉnh Thái Nguyên

3. Người chứng kiến

- Họ và tên: Triệu Văn Lưu
- Địa chỉ: xóm Nác, xã Tràng Xá, tỉnh Thái Nguyên.

II. THÔNG TIN CHI TIẾT⁽⁸⁾

TT	Số hiệu /nhãn hiệu đánh dấu	Tên Gỗ				Quy cách đối với gỗ tròn, gỗ xẻ, thanh tà vẹt, các loại ván			số lượng	Khối lượng (m3, Ster)	Ghi chú
		Tên tiếng việt	Tên tiếng anh	Tên khoa học	Nhóm loài	Dài (m)	Rộng (cm)	Đường kính/ chiều dày (m)			
1		Trám trắng			VII	2.6		0.220	1	0.10	
						2.6		0.180	2	0.13	
						2.6		0.150	1	0.05	
						1.3		0.280	1	0.08	
						1.3		0.260	1	0.07	
						1.3		0.200	3	0.12	
						1.3		0.180	4	0.13	
						1.3		0.150	5	0.11	
						1.3		0.110	12	0.15	
2		Vàng danh			VI	2.6		0.210	1	0.09	
						2.6		0.190	1	0.07	

3	Máu chó			VI	2.6	0.200	1	0.08
					2.6	0.170	2	0.12
					2.6	0.150	1	0.05
					2.6	0.130	1	0.03
4	Giẻ trắng			VII	1.3	0.170	1	0.03
					1.3	0.150	4	0.09
					1.3	0.130	6	0.10
Cộng						48	1.612	

Tổng số lượng, khối lượng đối với từng loại lâm sản có trong bảng kê:

Gỗ tạp tròn nhóm VI, VII gồm 48 khúc bằng 1,612 m³(bằng chữ bốn mươi tám khúc bằng một phẩy sáu mươi hai mét khối).

Ngày 25 tháng 3 năm 2026

NGƯỜI LẬP BẢNG KÊ

TỔ CHỨC/CÁ NHÂN
LIÊN QUAN

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng
đôi với tổ chức)

Học

Nông Văn Học

NGƯỜI CHỨNG KIẾN



Kiểm lâm viên
Lưu Quang Nghĩa